

160
Indoch
426

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N^o 25611

NGO-TAT-TO

PHÊ-BINH

Nho-giáo

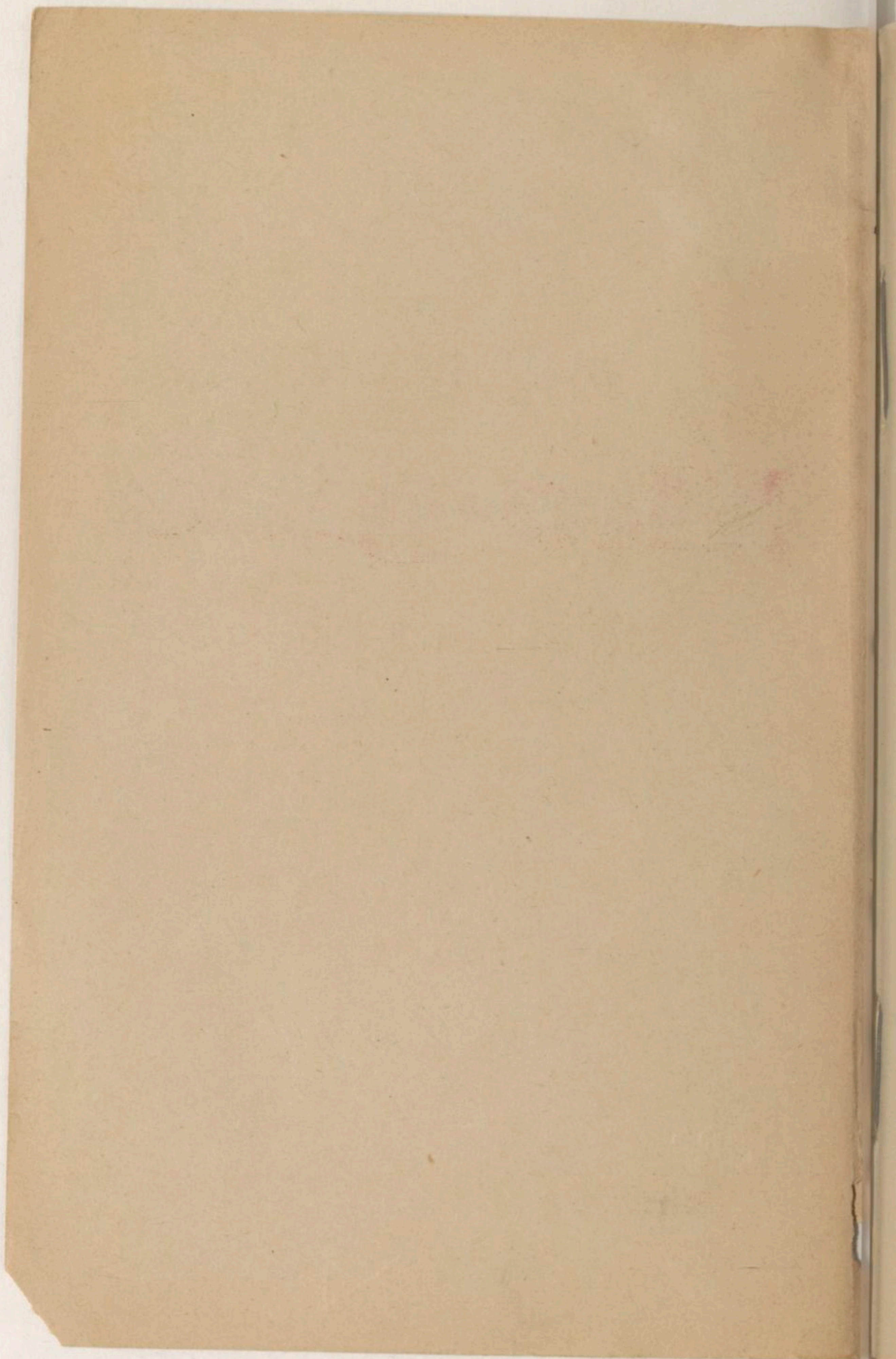
Trần-trong-Kim

160
Indoch -
426 -

Nhà in Mai-Linh xuất-ban

426

~~160~~



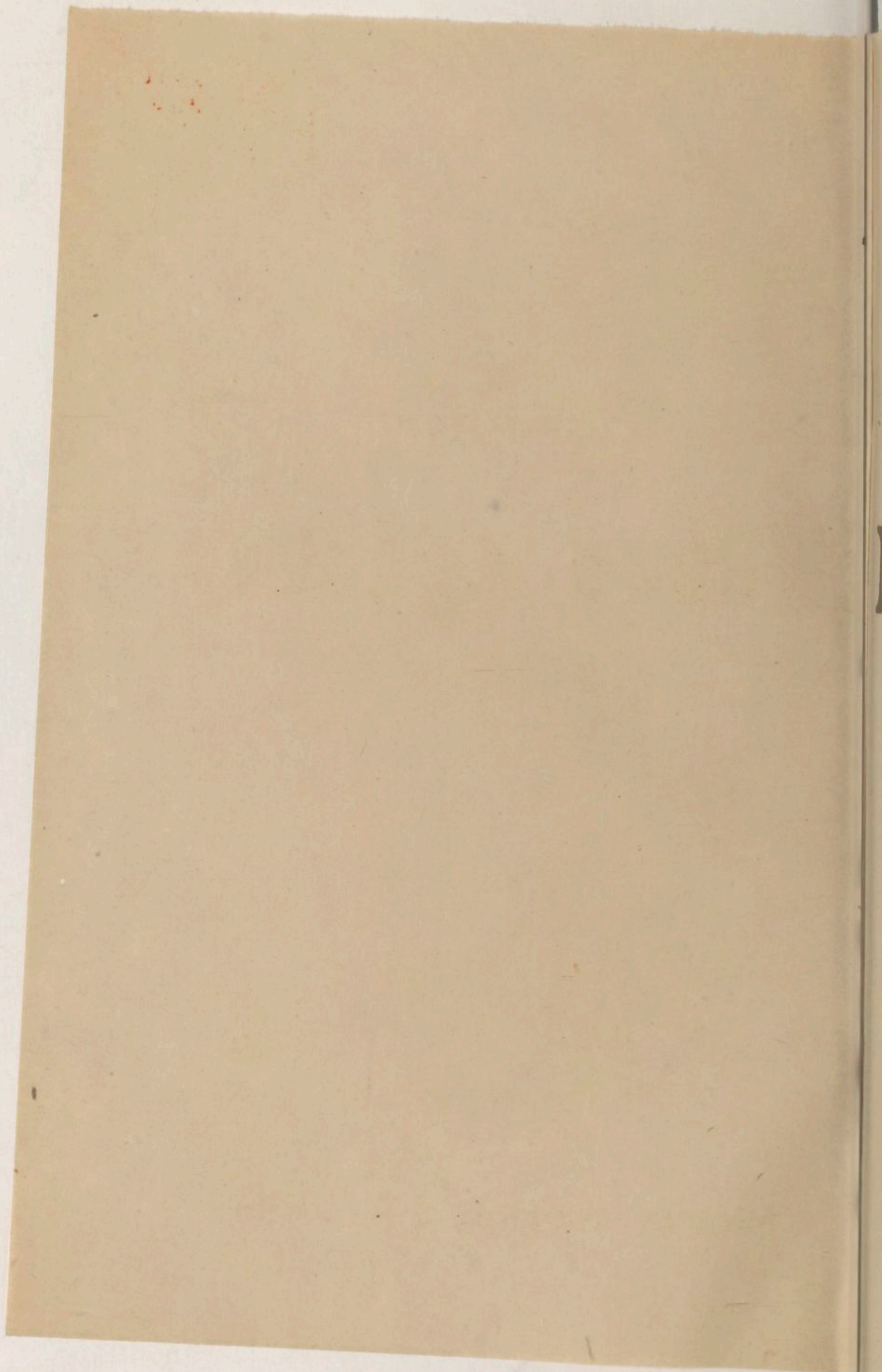
NGUYỄN TẤT TỐ

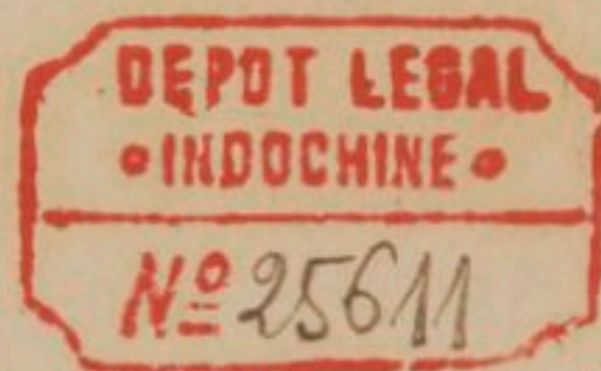
PHE BINH

Nhà in - Nhà in

Trên trong - Nhà in

nhà in - Nhà in



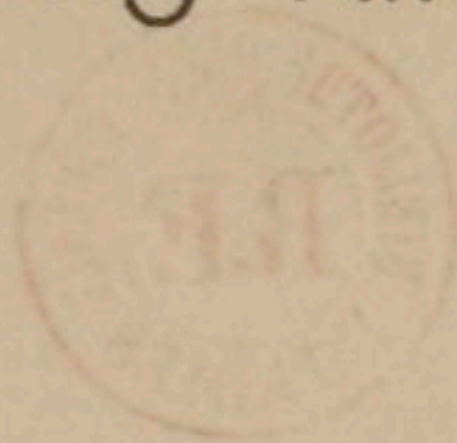


NGO - TAT - TO

PHE - BINH

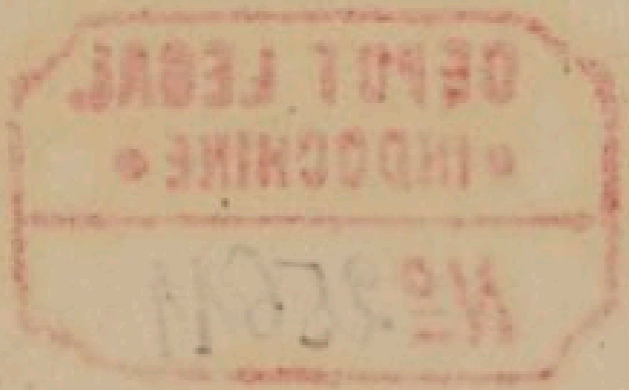
Nho - giáo

Trần - trong - Kim



Nhà in MaiLinh xuất - ban

16° Inwoch
1637



NGO - TAT - TO

PHE - BINH

Nhà in Mailinh xuất - bản

Trần-trung-Kim



Nhà in Mailinh xuất - bản

Tặng :

Hoai-Thanh

Nguyễn - duc - Nguyễn

một người trong sạch, thành
thật và có nghị lực trong
lớp thanh niên ngày nay.

N. T. T

Tổng :

Hoài-Thành

Nguyễn - Đức - Nguyên

một người trong sách, thành
thật ra có nghị lực trong
lớp thanh niên ngày nay.

N. T. T.

Ngoài việc bắt bẻ lật lọng những chữ «Lương tri», «Trúc-giáo», «Vô-cực», «Thái-cực» cho có chuyện, ông Khôi bẻ sức xung-tung công trình của «Vào giáo» và khuyên những người An-Nam đều phải chấp phương mà đọc.

Tuy rằng sa: do vi bài giới-thiệu ấy mà giữa ông Khôi và ông Trần Trọng-Kim đã xảy ra một cuộc bút chiến. Kéo dài ba, bốn kỳ báo. nhưng nó cũng chỉ nội trong phạm-vi

Tại sao bây giờ tôi mới nói đến sách này?

«*Nho-giáo*» ra đời đã gần mười năm, bây giờ vô cớ tôi đem nó ra phê-bình, không khỏi có người cho là một việc quá muộn nếu không ngờ là việc tư-hiền.

Thưa không! Bây giờ phê-bình sách ấy mới vừa, đề chậm một, vài năm nữa, cố-nhiên sẽ bị chậm quá, nhưng nếu nói sớm một vài năm trước. cũng là sớm quá.

Sớm quá cũng như chậm quá, đều có hại cho sự phê-bình.

Sao vậy?

Số là sau khi cuốn «*Nho-giáo*» thứ nhất xuất bản được một hai tháng chi đó, tôi liền được đọc những nhời giới thiệu của ông Phan Khôi đăng trong báo «*Phụ-nữ-tân-văn*»

Ngoài việc bắt bẻ lật vặt những chữ «Lương tri», «Trực-giác» «Vô-cực», «Thái-cực» cho có chuyện, ông Khôi hết sức xung-tung công trình của “*Nho-giáo*” và khuyên những người An-Nam đều phải thấp hương mà đọc.

Tuy rằng sau đó vì bài giới-thiệu ấy mà giữa ông Khôi và ông Trần-trọng-Kim đã xảy ra một cuộc bút chiến. kéo dài ba, bốn kỳ báo. nhưng nó cũng chỉ nội trong phạm-vi mấy chữ trên kia, chứ không lan ra chỗ khác

Tôi vốn tin sự phê-bình của ông Khôi cho nên tôi cũng tin luôn “*Nho-giáo*” là sách hoàn-toàn, tuy chưa đọc sách ấy.

Tình cờ một hôm xem cuốn Việt-Nam sử lược, trong bài dụ của triều Minh-Mệnh nói về tội trạng ông Lê-văn-Duyệt, thấy có một đoạn, soạn giả vì không hiểu cách đặt câu của Hán-văn, đã dịch sai ý nguyên văn tự-nhiên tôi sinh hoài-nghi cái sức Hán-học của tác giả “*Nho-giáo*”

Công việc biên-tập một bộ “*Nho-giáo*” bằng quốc-văn phải là người Hán-học uyên bác thì mới làm nổi trước kia tôi vẫn nghĩ vậy. Nhưng, sự tin-tưởng ấy đã bị đánh đổ trước câu hỏi này :

Một người có thể dịch sai đạo dụ của triều Minh-Mệnh, chắc đâu đã dịch được đúng tất cả ý nghĩa của tử, sử đời xưa !

Rồi tôi cố kiếm cho được toàn - bộ "Nho-giáo" mà đọc. Nhưng chỉ thấp đèn chứ không thấp hương như lời ông Khôi đã dặn.

Đọc đi đọc lại đến hai, ba lượt, càng đọc càng bị thất vọng. Té ra trong bộ "Nho-giáo" còn có nhiều chỗ khuyết điểm, không phải tốt-đẹp trọn-vẹn như lời giới-thiệu của Phan-quân.

«Vi lẽ gì nhà luân-lý-học lại nói không đúng luân-lý như thế?»

Tôi đã hỏi ông Phan-Khôi câu ấy. Và tôi rất phục cái chỗ sai luân-lý học của ông nhà Nho vẫn hay khắt khe trong sự phê bình đó khi thấy ông ấy trả lời thế này.

«Cố nhiên "Nho-giáo" không phải là sách hoàn toàn như ý chúng ta đã muốn. Nhưng, nền văn-học nước mình hiện nay trống-tron, chưa có chi hết, thế thì đối với những cuốn có công như cuốn "Nho-giáo", chúng ta cần phải chín bỏ làm mười, để khuyến khích người khác. Nếu cứ câu đoán trách bị, thấy chỗ dở là công-kích bừa đi, e rằng sau này không ai dám nghĩ đến việc trừ-thuật nữa!»

Phải lắm! Trước cảnh tượng hiu quạnh của nền văn-học nước nhà, ngọn bút phê-bình không nên nghiêm-khắc với nhà trừ-thuật, dù sự nghiêm - khắc ấy chỉ là ngang bằng, sỗ ngay.

Bởi tôi tán đồng cái ý kiến ấy của ông Khôi, cho nên lúc đó tôi phải gác lại "*Nho-giáo*" một bên, không nghĩ đến việc phê-bình

Từ đó đến nay, thậm - thoát đã bảy, tám năm, trong văn-giới cũng như trong báo-giới, không ai nói tới sách ấy. Chắc là các bạn đồng - nghiệp cũng nghĩ như chúng tôi vậy.

Tuy vậy, cái cảnh nghèo - nàn của nền văn-học nước nhà nó chỉ có quyền bắt-buộc chúng ta hoãn việc phê-bình "*Nho-giáo*", chứ không có phép ngăn-cản chúng ta không được động đến sách ấy.

Là vì, với một cuốn sách có quan-hệ đến tư-tưởng, học-thuật của một dân-tộc, không ai được phép, vì nề tác-giả mà nề luôn cả sự sai-lầm trong sách để di-ngộ cho người đời sau.

Vậy thì dù có cảm tình với tác-giả "*Nho-giáo*" chúng ta cũng chỉ có thể chờ đến dịp nào lời phê-bình không làm hại cho sự tiêu-thụ của sách ấy, thì hãy đem mà phê-bình. Thế mà thôi.

Dịp ấy chính là dịp này "*Nho-giáo*" in ra trong bấy nhiêu năm, nó đã được bán một hồi khá dài, trên xe lửa và dưới bến ô-tô, một đôi khi đã thấy trẻ con đem nó

mà rao một giá rất hạ, chắc là trong kho của nhà xuất-bản cũng không còn lại mấy nổi.

Vả lại, "*Nho-giáo*" in lần thứ nhất ít ra cũng vài nghìn cuốn. Khi mà nó đã bán hết, ấy là trong nước Annam đã có vài nghìn bộ óc hiểu lầm đạo giáo của phái Nho.

Người đã công-nhiên đem sự hiểu lầm của mình truyền thêm cho kẻ khác là ông Hoàng-Đạo.

Với ba số báo Ngày nay ra hồi tháng bảy năm nay, (1) ông này đã đáp lại những chỗ sai-lầm trong cuốn "*Nho-giáo*", rồi thêm-thắt vào ít nhiều tài-liệu không chắc chắn, mà nói oan cho cụ Khổng nhiều điều.

Trong các độc-giả của "*Nho-giáo*", số người hiểu lầm như ông Hoàng-Đạo không phải là ít.

Rồi đây Hán-học sẽ đến tiêu-diệt, muốn khảo cứu Nho-giáo, người ta cũng làm như ông Hoàng Đạo, chỉ tìm ở bộ "*Nho-giáo*" mà thôi. Nếu như những chỗ sai lầm của sách ấy không bị đính-chính, thì với những người để sau vài chục năm nữa, Nho-giáo sẽ là «Trần trọng-Kim giáo», không phải đạo giáo của Khổng-tử và tiên-nho nữa,

1) Năm 1938.

Hơn nữa các cuộc phê-bình văn chương cũng giống như cuộc đá bóng, mình đá đi, lại phải có người đá lại và phải có người chứng kiến, thì mới là sự công bằng. Hiện nay ông Kim tuy già nhưng vẫn còn mạnh, Hán-học tuy tàn, nhưng bây còn ít ông nhà nho hiểu thấu chân-tướng của Nho-giáo. Lúc này đem bộ "*Nho giáo*" phê bình, tức là một cuộc đá bóng còn có bên địch và còn có người đứng làm trọng-tài hoãn lại một vài năm nữa, hoặc giả ông Kim sức già yếu, không viết được bài cãi lại, hay là các ông nhà Nho dần dần điêu-linh, không còn ai làm chứng cho sự phải quấy của đời bên, thì cuộc phê-bình ấy không có giá trị gì nữa.

Trên kia tôi nói bây giờ phê bình mới vừa là ý như thế.

Tuy vậy "*Nho-giáo*" tuy có nhiều chỗ sai lầm, nhưng mà những chỗ sai lầm ấy phần nhiều ở cuốn thứ nhất. Từ cuốn thứ hai trở đi, hầu hết dịch theo sách Tàu không bị sai lầm mấy nơi. Nếu đem công mà trừ với tội, thì nó vẫn là có công với nền văn học nước nhà. Có lẽ thứ sách ghi lại học thuật tư-tưởng đời cổ của mình ngoài này cũng khó mà mong có bộ thứ hai.

Thật thế, ngày nay các ông Tây học phần nhiều chán ghét Nho-giáo, không chịu đề ý đến nó. Còn phái Hán-học, ngoài ông Phan-Khôi, thì có ông Huỳnh-thúc-Kháng may đủ tư-cách làm được sách ấy. Nhưng vì cớ gì chưa rõ, cả hai ông này hình như đều định để cho cái học của mình theo mình xuống cõi trăm năm, đến nay vẫn chưa ai đả-động đến việc làm sách làm vở. Như thế, còn ai là người soạn lại sách "*Nho-giáo*" nữa ?

Vì thế chúng ta cần phải coi trong bộ "*Nho-giáo*" hiện đương có này, không nên vì những chỗ sai-lầm mà dường bỏ tất cả toàn thể của nó.

Một điều cần nói thêm là : Trong việc phê-bình, đáng lẽ phải nói tất cả chỗ hay chỗ dở. Nhưng, ở cuốn "*Nho-giáo*" cái hay chỉ là những chỗ nhằm-đúng, không có gì lạ. Với một cuốn sách chuyên về khảo-cứu sự nhằm-đúng tức là phạn-sự của tác-giả, không phải là việc cần nên ca-tụng.

Vậy trong tập phê bình này, xin miễn nói đến chỗ hay của "*Nho-giáo*" và những chỗ sai-lầm mà ngày trước ông Phan-Khôi đã chỉ ra rồi. Từ đoạn sau trở xuống, tôi chỉ nên ra ít điều khuyết-diểm của nó mà thôi.

Thật thế, ngay nay các ông Tây học phân biệt chân giả Nho giáo, không chịu để ý đến nó. Còn phái Hán học, ngoài ông Phan-Khôi, thì có ông Huỳnh-Thúc-Kháng may vì tu cách làm được sách ấy. Nhưng vì có sự chưa rõ, cả hai ông này như đều dựa để cho cái học của mình theo mình xuống cõi trần này, đến nay vẫn chưa ai đã động đến việc làm sách làm vở. Như thế, còn ai là người soạn lại sách?

II

**Sự cầu thả trong việc
lựa dùng tài liệu**

Nếu cuốn “*Nho-giáo*” chỉ có mục-đích quảng-cáo cho Khổng-Tử và Tiên-nho, thì dấu tác-giả chấp cả tài liệu, cứ việc viết theo ý muốn của mình, cũng không ai được phàn nàn, vì nó là sách quảng cáo.

Nhưng, không phải thế, cuốn “*Nho-giáo*” là sách khảo-cứu, Tác-giả muốn dùng nó làm bức bản-đồ để ghi lại dấu tích của tòa nhà «*Nho-giáo*» đương bị đồ nát, điêu tàn. Cho nên, bài tựa cuốn 1 có nói:

«*Đã nói quyền sách này là cái bản-đồ về cái nền Nho-giáo cũ, thì dấu hay, dở thế nào mặc lòng, cốt nhất là phải vẽ cho đúng.*»

Và bài tựa cuốn ba lại thêm :
«*Sách này làm theo cái mục-dịch đã định, là muốn vẽ cho đúng cái chân-tượng của Nho-giáo trải qua các thời-đại. Cái mục-dịch đó có đạt tới được hay không chưa giám quyết, nhưng dù thế nào mặc lòng, ta đem tấm lòng thành-thực mà thuật lại cái đạo của thánh-hiền để học-giả có thể nhân đấy mà kê-cứu.*»

Những ý-kiến ấy thực xứng-đáng với tư-cách một nhà khảo-cứu. Một cuốn sách có quan-hệ đến một học thuyết đã hai nghìn năm chiếm quyền bà-chủ trong cõi tộc phương đông như cuốn "*Nho-giáo*" ít ra cũng phải đi tới bậc đó, mới khỏi mắc tội lừa dối đời sau.

Bởi thế, với cuốn "*Nho-giáo*" vấn-đề tài-liệu mới thành ra phần quan-trọng trong việc biên-tập. Nó không cho phép tác giả có thể câu-thả chút nào. Vì, nếu câu-thả, thì cái bản-đồ kia không khỏi có chỗ sai-lầm, mà chân-tượng của Nho-giáo sẽ bị mờ mịt đi thôi.

Nhưng, sự lựa-chọn tài-liệu — nhất là tài liệu thuộc về Khổng-tử, — để vẽ cho đúng bản-tượng của Nho-giáo, không phải là sự dễ-dàng. Bởi vì những sách nói là xuất-hiện

khoảng đời Khổng-tử, đã bị xen vào nhiều thứ giả-mạo, do người đời Hán chế ra nó làm cho người ta sẽ bị lầm lẫn, nếu sự lựa trọn không tinh tế.

Phải, cái chuyện sách-giả ở đời Hán là sự dịch có. Nguyên nhân của nó. xưa nay ai cũng đổ tại nhà Tần đốt sách và chôn học-trò. Nhưng theo ý tôi, ngoài sự tàn bạo ấy của vua Thủy-hoàng, còn việc thay đổi thể chữ và việc thay đổi đồ viết cũng là rễ gốc của chuyện đó.

Từ đời Khổng-tử đến đời Hán sơ, thể-chữ của Tàu đã bị bốn lần thay đổi, trước là khoa-đầu, biến ra đại-triệu, rồi biến ra tiểu-triệu, rồi biến ra lệ-thư, cuối cùng mới thành khải-thư, là lối chữ của người Tàu hiện dùng. Đồ viết cũng bị thay đổi 3 lần trước còn viết bằng thẻ tre, sau viết bằng lụa sau rốt mới viết bằng giấy. Mỗi lần thể chữ và mỗi lần đồ viết thay đổi, tự nhiên phải có nhiều sách mai một vì không có hân-hạnh được phép sang thể chữ mới hay đồ viết mới.

Những nguyên-nhân đó hợp lại làm cho đời Hán có nạn khủng-hoảng sách cổ khi người đời ấy đã thấy món đó là vật cần dùng. Rồi đó nhà vua hạ lệnh sưu-tầm,

phiên - vương tranh nhau mua - chuốc, sách cổ lúc ấy đã thành một vật rất quý. Vì vậy, mới có những kẻ chế ra sách giả.

Hồ-Thích, một nhà học-giả trứ-danh ở Tàu hiện nay, đã chia bọn này ra làm hai hạng. Một là người có tư-tưởng, muốn đem nó ra sửa lại cuộc đời, nhưng sợ không có người theo, mới phải viết sách mà mượn tiếng cổ nhân. Hai là một bọn con buôn, chỉ chuyên bán sách lấy lợi, hoặc là soạn hẳn ra cuốn sách giả, hoặc là nhân có vài thiên sách cổ mà viết thêm cho thành một cuốn sách giầy, để được nhiều tiền.

Tào-tự-Nhân trong cuốn Quốc-cổ-học-đại-cương lại thêm một hạng người nữa, là người soạn ra sách giả để đón ý-muốn của chủ. Theo ý Tào, thì khi Vương-Mãng định cướp ngôi vua nhà Hán, Lưu-Hâm là tay giúp việc cho hắn. Vì cái tâm lý muốn rằng các việc đều phải bắt trước đời xưa, Lưu mới lợi-dụng cái ng i Hiệu-trung bí-thư của mình mà tự soạn ra sách cổ, hoặc tự chữa lại sách cổ để làm hậu-viện. Những sách ngày nay gọi là cổ-văn, như sách Chu Lễ, sách Tả truyện.... đều ở tay Lưu mà ra tất cả.



Tôi cho lời Hồ và Tào là đúng. Hạng người đó, chẳng phải chỉ riêng ở Tàu đời xưa mới có, trong bọn bán sách cho trường Bác-cổ Viên đồng cũng có. Vì thế, một nhà xuất bản Hanoi đã in cả thơ của cụ thân mẫu ông T. Đ. R. vào trong tập thơ Tú-Xương.

Làm thế nào mà phân biệt được sách giả sách thật ?

Hồ Thích khi làm cuốn Trung quốc triết học-sử đại cương đã vẽ ra năm phương pháp :

- 1.) So sánh ngày tháng và công việc trong sử.
- 2.) Kê-cứu tiếng nói của từng thời-đại.
- 3.) Kê cứu thể văn của từng thời đại.
- 4.) Kê cứu tư-tưởng của từng người.
- 5.) Tham khảo bằng-chứng ở các sách khác,

Năm phương-pháp ấy, Hồ nói rất kỹ-càng, có thể cho rằng nó không phải là phương-pháp riêng của Hồ mà là phương pháp chung của nhà khảo-cứu. Những nhà khảo-cứu, nếu có lòng thật-thà với cổ nhân và hậu nhân thì khi soạn một cuốn sách nào, ít ra cũng phải công-phụ như thế.

Không hiểu vì sao tác giả "*Nho-giáo*" trong khi lựa-dùng tài liệu, lại kiêng tất

cả các phương pháp đó, không thêm dùng một thứ nào ?

Thật thế ! Nếu tác giả '*Nho-giáo*' mà dùng những phương pháp ấy thì đâu đến nỗi vơ váo cả những sách giả ?

Trong cuốn *Nho-Giáo*, tài-liệu về *Khổng-Tử*, tác-giả đã dùng nhiều nhất là những sách này : *Khổng-tử - gia-ngữ*, *kinh Thư*, *kinh Lễ*, *kinh Dịch*, *kinh Thi*, *kinh Xuân Thu*, *Đại học*, *Trung-dong*, *Manh-tử* và *Luận-ngữ*.

Trong bấy nhiêu sách, trừ ra mấy cuốn *Luận-ngữ*, *Manh tử*, *kinh Xuân-thu* và *kinh Thi*, còn thì đều là những sách đáng ngờ, hoặc không thể tin.

Nhất là *Khổng-tử gia ngữ*.

Sách này ngày xưa người ta vẫn bảo là của *Vương Túc* soạn ra. Trong sách chép toàn về chuyện *Khổng-tử* và lời nói của ngài và của các học trò ngài.

Vương là người đời *Tấn*, để sau *Khổng-tử* độ 7 trăm năm, nghĩa là bằng từ đầu nhà *Trần* đến giờ.

Bây giờ nếu có người nào tự nhiên theo thể lịch sử hay thể nhật-ký, viết một cuốn sách nói rất tỷ mỹ về công-việc hàng ngày của ông

Trần-hung-Đạo, chúng ta hẳn không ai tin là truyện có thực. Vì người ấy cũng xa ông Trần-Hung-Đạo như chúng mình, làm sao mà biết được việc làm lời nói của ông ấy? Thế thì Vương Trúc cách đời Khổng-Tử đến bấy nhiêu năm, tất nhiên cũng không thể biết được một cách tử mỹ việc làm lời nói của Khổng-tử.

Giá trị của cuốn Khổng-tử gia-ngữ, cũng như giá trị một cuốn tiểu-thuyết mà thôi. Bởi thế, Tống-nho bòn sách Khổng-môn như bòn vàng, họ cũng không giám đem sách ấy mà liệt vào hạng kinh truyện.

Rồi đến kinh Thư.

Cứ như các sách đã nói, kinh Thư nguyên là sách của đời cổ, do tay Khổng-tử sửa lại, có một trăm thiên. Nhưng nguyên-bản của nó đã bị ra tro sau ngọn lửa đốt sách của Tần Thủy hoàng. Đời Hán thiếu hẳn sách ấy. Văn đế nhà Hán nghe tin Phục Thảng ở Tế nam đã làm bác-sĩ nhà Tần, chuyên trị kinh Thư, mới sai Triệu Thố đến nhà mà hỏi. Bấy giờ Phục-Thảng ngoài 90 tuổi, đã móm hết răng, tiếng nói phều phào, người lạ không thể hiểu. Con gái ông ta phải làm thông ngôn để cho Triệu Thố chép lại. Tất cả được 20 thiên.

Đến đời nhà Tấn, Mai Trích dâng vua thêm 25 thiên nữa. Trong đó có bài tựa của Khổng an-Quốc (người về đời Hán) đại lược kể rằng: Tiên-nhân ông ta (Khổng an Quốc) vì sợ chính-lệnh hà-khốc của nhà Tấn, mới đem sách của nhà mình mà dấu vào trong bức tường. Về sau Cung vương (con vua Cảnh-đế nhà Hán) định phá nhà cũ của Khổng-lử để làm cho rộng nhà mình, lúc phá đến tường, thấy có kinh Thư của các đời Ngu, Hạ, Thương, Chu và sách Luận ngữ, sách Hiếu-kinh, lúc lên trên thêm lại nghe có tiếng ty trúc, Cung-vương bèn thôi không phá nhà đó mà đem các sách trao trả họ Khổng. Bởi những sách ấy toàn là lối chữ khoa-dầu, bấy giờ không có ai biết, vua Hán mới sai đem nó so với các thiên của Phục-Thắng, thì khảo ra được 25 thiên, còn nữa đều lộn-xộn, mòn-nát, không thể biết là cái gì, phải cất vào trong kho sách. An-Quốc chỉ đem 25 thiên ấy hợp với các thiên của Phục-Thắng làm thành sách Thượng-thư 59 thiên, đã có kê-cứu, chú-thích cẩn-thận. Nhưng vì có nạn vu cớ không đem dâng vua. Thế là sách ấy liền bị chằm đi. Cách mấy trăm năm, Mai-Trích mới kiếm ra được.

Hai truyện đó, chuyện trên chép ở Nho-lâm-truyện của đời Hán, truyện dưới chỉ thấy ở đầu bộ kinh Thư của Mai-Trích tức là thứ kinh Thư lưu-hành bây giờ.

Hiện nay trong kinh Thư vẫn còn chia ra hai phần. Phần của Mai-Trích thêm vào, gọi là *Cổ-văn Thượng thư*, phần của Phục-Thắng đọc ra, gọi là *Kim-văn Thượng-thư*.

Xưa nay, người ta vẫn cho phần kinh Thư do Phục-Thắng đọc ra, thực là sách của Khổng-lử sửa lại, nhưng tôi không dám tin hẳn như thế.

Cái việc Triệu Thố đến hỏi Phục-Thắng là việc trong đời Văn-đế, cách đời Cao-tô chưa lâu lắm gì. Hán-sử chép rằng: Khi Hán Cao-tô lên làm vua rồi, Lục Giả thường nghiên Thi, Thư, đã bị Cao-tô mắng rằng: « Cự mày nhờ trên mình ngựa mà được thiên-hạ... Dùng gì đến Thi, Thư? » Lục Giả cãi rằng: « Nhà vua được thiên-hạ bằng trên mình ngựa, chứ không thể trị thiên-hạ bằng trên mình ngựa ».

Đó là chứng cứ Lục-Giả đã được học qua kinh Thư — nếu quả là có kinh Thư — Đến đời Văn-đế, Lục-Giả còn sống và còn làm một vị đại-thần, sao Văn-đế không hỏi ngay hẳn, mà lại đi hỏi Phục-Thắng?

Vì thế, tôi ngờ chữ « thư » đời cổ chỉ có

nghĩa là sách, không phải là tên riêng của một thứ sách. Nhưng chỉ ngờ vậy, hiện nay tôi chưa có thêm bằng chứng, chưa dám nói quyết là đích như thế.

Gia cho cái nửa kinh Thư của Phục-Thắng là thực đi nữa, nhưng cái nửa kinh Thư của Mai-Trích, thì thật mười phần giả mạo cả mười. Một là bài tựa của Khổng-an-Quốc giống như giọng văn Lục-triều, không phải giọng văn Tây-Hán. Hai là những thiên của Mai-Trích phát-hiện, văn-nghĩa xuôi-thuận, không trúc-trắc như những thiên của Phục-Sinh. Cứ như sự kê-cứu của bọn học-giả đời Thanh thì bộ kinh Thư của Mai-Trích là do học trò Vương-Túc đời Tấn soạn ra.

Vì trong hồi ấy, những người nghiên-cứu kinh Thư, đều cho lời chú-thích của Trịnh-khang-Thành (1) là đúng. Vương muốn nâng cao địa-vị của mình, đã dùng hết cách để công-kích Trịnh. Rút lại, cái lý của Vương vẫn non, không thể đánh đổ được Trịnh. Bây giờ bọn học trò Vương mới tựa theo giọng của truyện-ký, chú-sớ đời trước mà soạn ra bộ *Cổ-văn Thượng thư* và bộ *Khổng-tử gia-ngữ* cho đủ chứng-cớ để bênh thày mình. Tống-nho đã có bài-bác giọng văn của sách *Cổ-văn Thượng-*

1) Một người danh-nho trong đời Đông-Hán.

thư và đã ngờ những thiên ấy đều là sách giả. Nhưng, một đảng ngờ vậy, một đảng lại cứ tôn làm sách của thánh-nhân, cái mâu-thuần của họ thật là khó hiểu.

Rồi đến kinh Lễ.

Rồi đến hai thiên Đại-học, Trung-dong.

Rồi đến các thiên Thuyết-quái Văn-ngôn và Thoán-truyện... ở kinh Dịch.

Cái cơ tại sao tôi ngờ mấy thứ sách ấy, sau đây sẽ nói đến.

Tóm lại, mấy bộ sách này hoặc là giả-mao, hoặc là đáng ngờ, không thể coi là sách của Khổng-môn. Nó chỉ có thể dùng làm tài liệu để khảo-cứu về tư-tưởng trong thời-dại các tác giả của nó, chứ không thể dùng để khảo cứu về tư-tưởng của Khổng-tử.

Tác-giả «*Nho-giáo*», cứ dùng bữa đi, không phân-biệt gì, thì Khổng tử trong cuốn «*Nho-giáo*», cố nhiên phải «*râu nọ cằm kia*», không thể là Khổng-tử thật

III

**Đem tư-tưởng của người khác
làm tư-tưởng của Không-tử**

Bởi sự lựa-dùng tài liệu của « *Nho-giáo* » không được tinh-vi, cho nên, sách ấy mới có một cái khuyết-diểm rất lớn, là pha-lộn tư tưởng của học trò Không-tử hay của bọn Nho đời Hán vào với tư-tưởng của Không-tử.

Cho được chứng rõ cái khuyết-diểm ấy, đoạn này tôi cần nói đến những chỗ hoài nghi đối với ba cuốn *Lê-ký*, *Đại-học* và *Trung-dong*.

Cũng như *Thượng-thư*, *Lê-ký* cũng có một cái lai-lịch rất rắc rối.

Theo *Hậu-Hán-thư* đã chép, sách ấy vốn của học trò Không tử và bọn hậu-học chép ra. Nó bị mai-một đã lâu. Hồi đầu đời Hán, ông *Hiển-vương* ở *Hà-gian* mới kiếm ra

được, đem dâng vua Hán, tất cả 131 thiên, lúc đó chưa có người nào đem nó truyền bá. Đến khi Lưu-Hương làm chức Hiệu-thư-lang mới xem-xét lại thì hãì còn được 130 thiên. Lưu bèn lần-lượt sắp-đặt cho có thứ-tự và lại tìm tòi thêm được : 33 thiên Minh-đường âm-dương ký, 7 thiên Khổng-tử tam-triều-ký, 21 thiên Vương sử thị ký, 23 thiên Nhạc ký. Tất cả 5 thứ, 84 hiên, hợp với 130 thiên cũ, thành ra 214 thiên. Về sau, Đái-Đức bỏ bớt những chỗ dư-mà, trùng điệp, dồn lại làm 85 thiên, gọi là sách Đại-Đái-ký. Rồi em Đại Đức tên là Đái-Thánh sửa lại lần nữa, thì chỉ còn được 46 thiên, gọi là sách Tiểu-Đái-ký. Đến cuối đời Hán, Mã-Dung mới đem truyền-bá và lại thêm vào 1 thiên Nguyệt-lệnh, 1 thiên Minh-đường-vị và 1 thiên Nhạc-ký, thành ra 49 thiên, tức là sách Lê-ký ngày nay.

Một cuốn sách xuất hiện một cách thình-lình, lại đã trải qua đến bấy nhiêu lần thêm vào bớt ra, cũng đủ khiến cho người ta không thể tin là sách của Khổng-môn. Họ ổng chỉ lại còn nhiều điều đáng ngờ khác nữa.

Tổng Nho tuy tôn Lê ký làm một trong năm kinh, nhưng, họ cũng vẫn cho là sách của Hán nho bịa đặt. Vì theo ý họ, trong cuốn sách ấy, nhiều chỗ không

phải tư-tướng của Khổng tử hay học trò ngài.

Điều đó đích-xác! Xưa nay không ai chối cãi. Theo sự nhận-thấy của tôi, thì sách Lê-ký chẳng những nhiều chỗ không phải tư-tướng của Khổng-môn, mà giọng văn của nó, cũng khác hẳn giọng văn của sách Luận ngữ. Hơn nữa, ở thiên Khúc-lễ—thiên thứ nhất trong kinh Lễ—lại có những chữ *thanh-long*, *chu tước*, *huyền-vũ*, *bach-hồ*, thứ chữ của *âm-dương-giu*, mới có từ Hoài-nam tử (người về đời Hán), chứ đời Khổng-tử chưa có. Coi hai chỗ đó, đủ thấy Lê-ký không phải sách của Khổng-môn còn lại.

Lê-ký đã là sách giả-mạo, thì Đại-học, Trung dung, tất nhiên không thể là sách đích thực.

Bởi vì, hai cuốn sách ấy, trước kia chỉ là hai thiên trong sách Lê-ký. Nó đã nằm yên với các thiên khác trong sách ấy từ cuối đời Hán đến đầu đời Tống, nghĩa là gần một nghìn năm. Tới giữa đời Tống, Chu-Hy mới bắt nó phải ly-dị với sách Lê-ký mà đứng riêng ra làm hai cuốn, để gộp với sách Luận-ngữ và sách Mạnh-tử làm thành một bộ Tứ-thư là những sách đích của Khổng-môn.

Sở dĩ có sự « thắng hàm » cho sách như vậy, chỉ vì Tống-nho quen khảo-cứu bằng cách phỏng-đoán. Với sách Lê-ký, họ nói giăng co mà rằng : sách ấy tuy của Hán-nho đặt ra, nhưng, ở trong cũng có nhiều thiên thực của học trò Khổng-tử. Đại học, Trung-dụng tức là những thiên do bọn học trò Khổng-tử viết ra. Người viết ra thiên Đại-học là Tăng-tử, người viết ra thiên Trung-dụng thì là Tử-tư, Tống-nho nói trắng như thế.

Chỗ đó mới là quái gỡ.

Cái gốc đã là giả hiệu, thế mà cái ngọn lại cố bảo là thực hiệu, thì ai mà tin cho được. Huống chi Kinh lễ hơn 40 thiên, sao các thiên khác không biết soạn giả là ai, mà hai thiên này lại biết chắc của hai người ấy ?

Trở lên, bấy nhiêu chứng cứ, tưởng cũng đủ cho chúng ta nhận thấy hai cuốn Đại-học Trung dụng cũng như sách Lê-ký, không phải sách của Khổng môn chép ra, không thể dùng làm tài-liệu khảo-cứu Khổng tử.

Giả sử nhường đi một bước, chúng ta hãy tạm gác sự vô lý lại đó mà nhận Đại-học, Trung-dụng là của Tăng-tử, Tử-tư soạn ra đi nữa, thì nó cũng chỉ là những tư-tưởng

của Tăng-tử và Tử-tư, không thể bảo là tư-tưởng của Khổng-tử được, dù hai ông đó một là học trò, một là địch-tôn của ngài.

Bởi vì những mớ tư-tưởng từ óc Khổng-tử truyền sang đến óc các ông học trò, phần nhiều đã cô biến-hóa tính-chất, chứ nó không phải là những cục gỗ, cục đá, tha hồ khiêng-vác, vẫn không thay hình đổi dạng.

Cứ như ở sách Hàn-tử thuật lại, thì sau khi Khổng-tử mất đi, đạo Nho chia ra làm tám phái cả thảy. Trong tám phái đó, điều lấy, điều bỏ không ai giống ai, mà ai cũng nhận cái thuyết của mình mới thật là của Khổng-tử.

Lại như trong sách Luận-ngữ đã chép, thì khi học trò Tử-Hạ đến hỏi Tử-Trương về lối giao-du, Tử-Trương cũng nói những điều của mình đã nghe được ở Khổng-tử, khác hẳn với những điều Tử-hạ đã dạy.

Những sự khác nhau của các học trò Khổng-tử tức là bằng chứng về sự biến hóa giữa những tư-tưởng của Khổng-tử và tư tưởng của mấy ông đó. — Nếu không biến hóa, thì tư-tưởng của các ông ấy tất nhiên phải đúng như nhau, có sao lại khác nhau được ?

Nhì thế chúng ta khảo về Khổng tử, nếu muốn cho ông cụ ấy còn được nguyên hình, không bị chấp nối từng mảnh, thì không nên đem những tư-tưởng của học trò ngài mà chộn lãn vào với tư-tưởng của ngài. Nhất là những cái tư tưởng đã bị ngờ là của Hán-nho, càng không nên dùng làm tài liệu để thêm dặt thêm cho ngài.

Tác giả "*Nho-giáo*" không chịu như thế. Bao nhiêu những cái mà Tống-nho đã bảo là của Khổng tử, thì bắt luận nẹp tẽ gì cả, ông ấy cũng cho luôn làm của Khổng tử, không ngần ngại gì. Thí dụ như những đoạn này:

Chương II, trang 127, dưới cái tiêu đề

« Đạo của Khổng-phu-tử » tác-giả cắt nghĩa:

« Đạo của Khổng-phu-tử, không lấy việc quỷ thần mà đặt ra những điều mê-lin, không lấy sự sống chết mà huyền-hặc lòng người. Ngài chỉ cốt lấy nhân, nghĩa, lễ, tri, hiếu, đễ, trung, tín làm đạo thường. Ngài cho những điều ấy chính là những cái minh đức của thiên-lý, vậy nên phải theo thiên-lý mà làm cho sáng rõ những minh đức ấy, để khiến người ta càng ngày càng hay hơn, đến chí-thiện mới thôi. Đây là nghĩa câu ở đầu sách Đại-học: « Đạo tại minh minh-đức, tại tân dân, tại chí ư chí thiện ».

Trong đoạn này, chỉ có nửa trên đúng với tư tưởng của Khổng tử, trong khi dạy học, Khổng-tử thật ít nói đến việc quý thân, hay sự sống chết. Nhưng còn nửa dưới, thì nó chỉ là nghĩa ở đầu sách Đại-học mà thôi, sao biết ý của Khổng-tử như thế?

Trong sách Đại-học, về chỗ này, ngoài câu « Đại-học là di-thư của Khổng-môn » do Trình-Di (1) nói ra, không có một vết tích gì có thể nhận là ý của Khổng-tử, cho đến những chữ « Tử viết », « Khổng-tử viết » hay « Trọng-Ny viết » cũng không có nữa.

Đem cái ý ấy mà so với sách Luận-ngữ, là sách đích của Khổng-môn còn lại, cũng không thấy nó hợp với chương nào câu nào.

Thế thì căn cứ vào đâu mà võ-đoán rằng đạo của Khổng là vậy.

Tác-giả chứng cũng tự biết như vậy, cho nên tiếp đó mới nói gượng rằng:

« Đạo của Khổng-tử lấy chữ « chí thiện » làm cực điểm. Chí-thiện tức là nhân. »

Đó là ý của Tống nho, Khổng-tử không nói thế, hay nói dựa dựa như thế bao giờ.

(1) Một người tiêu biểu của Tống nho, cách Khổng-tử chừng 1.500 năm.

Cũng ở trang ấy và dưới cái tiêu-đề ấy, tác-giả lại thích cái đạo của Khổng-tử như vậy :

« Trời phú tinh cho người ta, thì cái đạo là phải giữ cái tinh ấy cho thuần-nhất như lúc mới đầu bầm-thụ. Sửa cái đạo ấy để khỏi sai lầm là việc giáo hóa. Vậy nên sách Trung dung nói rằng : « Trời phú cho gọi là tinh, theo tinh gọi là đạo, sửa đạo gọi là giáo. Đã là đạo thì không giây phút nào xa lia ra được, nếu xa lia ra được thì không phải là đạo ».

Đoạn này cũng vu vơ như đoạn trên, nghĩa là ở chung quanh nó cũng không có chút dấu vết tỏ ra ý của Khổng tử, không thể đem nó mà cắt-nghĩa đạo của Khổng-tử.

Chương IV, trang 215, nói về tu-tướng chính trị của Khổng-tử, tác-giả viết rằng :

« Cối chính-thể của Khổng-giáo có cái quan niệm đặc biệt là cho trời với người cũng đồng một thể. toàn-dân muốn thế nào là trời muốn thế ấy. Ông vua chỉ là một phần trong toàn thể, vì có tài có đức, mà được địa vị tôn-quý để giữ cho toàn-thể được điều-hòa yên-ổn. Hễ vua làm điều gì trái lòng dân, tức là trái mệnh trời. Thành thử ông vua tuy đối với trời được thay quyền trời, nhưng đối với dân lại phải chịu hết trách nhiệm. Mà dân thì tuy phải chịu quyền cai trị, nhưng vẫn có quyền bắt vua phải theo điều lành mà làm ». Vì rằng :

«Trời thương dân, dân muốn điều gì trời cũng theo. (Thư Thái-thê thượng). Vậy muốn biết lòng Trời thì cứ xem lòng dân: «Trời trông thấy, tự ở dân ta trông thấy, trời nghe thấy, tự ở dân ta nghe thấy (Thư Thái thê trung)...»

Đoạn này, nửa trên gần giống ý - kiến của Lưong-khải-Siêu đã nói trong Âm - băng-thất văn-tập. Còn mấy câu kinh Thư ở nửa dưới thì là những cái tư-tưởng mới có từ đời Chiến-quốc, trái hẳn với tư-tưởng chính trị của Khổng-tử.

Trong sách Luận-ngữ, Khổng-tử đã nói : «Dân có thể khiến cho nó theo, không thể khiến cho nó biết». Cõi đó thì biết ngài là một người thiên về chính-trị chuyên-chế, không khi nào lại chịu coi dân là trời.

Vả lại, những câu kinh Thư mà tác giả đã dẫn vào đó, nó chỉ là tư tưởng của Hán nho, nếu kinh Thư là sách giả-mạo. Hay nếu cố nhận kinh Thư là sách « thật bặt » đi nữa, thì những ý ấy lại là tư-tưởng của Vũ vương nhà Chu, không dính gì đến Khổng tử .

Tác-giả dùng nó làm chứng để nói quyết rằng tư tưởng chính trị của Khổng-tử cũng cho mệnh trời tức là lòng dân, thật là một sự quá-quất.

Vậy là trong mấy đoạn này, cái tượng Khổng-tử ở “*Nho-giáo*” đã bị đập bằng tư tưởng của Tăng-tử, Tử-Tư, Vũ-vương hay là Hán-nho.

Trong cuốn “*Nho-giáo*” thứ nhất còn có nhiều chỗ luộm-thuộm như thế, mà phần nhiều là vơ ở sách Lê-kỷ và sách Khổng-tử gia-ngữ. Nhưng nói nữa e rằng nhiều quá. Xin thôi.

IV

Dịch sai nghĩa, hoặc thêm ý mình vào văn Kinh truyện

Cũng như những nhà khảo cứu lịch sử, điều-kiện cốt-yếu của một nhà khảo-cứu triết-học là phải thật thà, ngay thẳng, đừng nói thêm nói bớt cho cổ-nhân, khiến cho hậu-nhân hiểu lầm.

Bởi vì nhiệm vụ của những nhà khảo-cứu triết-học chỉ cốt đem những tư-tưởng linh tinh của cổ-nhân mà sắp đặt cho ra môn-loại, có trật tự và có thống hệ, để cho hậu-nhân có thể lấy nó làm gương mà ứng-dụng vào trong hoàn cảnh của họ. Nếu mình thuật lại không đúng ý của cổ nhân, ấy là làm cho hậu nhân thiệt thòi vì không được rõ chân tướng cái tư-tưởng của người đời trước.

Cho nên một nhà khảo cứu triết-học, trước hết phải quét cho sạch thành-kiến

của mình. Tư tưởng của cổ nhân thế nào người ta chỉ nói vừa đủ thế ấy. Hay, dở thì mặc cổ nhân, tự mình không được nói hơn, nói kém. Nhất là không được đem những tư tưởng của cổ nhân mà uốn nắn, đẽo gọt, tô điểm cho hợp với xu hướng của thời đại.

Là vì thời-đại thay đổi luôn luôn, mà triết-lý thì vĩnh viễn sống ở vũ-trụ. Những chỗ hay, dở của các môn triết học, chẳng qua vì sự thay đổi của các thời-đại mà ra, không phải là sự nhất định. Những điều đời xưa vẫn cho là hay, bây giờ phần nhiều đã thấy là dở, thì những điều bây giờ đương cho là dở, chắc đâu sau này lại không có lúc phải nhận là hay? Vì thế một nhà khảo cứu triết-học, lúc nào cũng phải đứng ở địa vị khách quan, không nên theo ý kiến của dư luận nhất thời mà mong cho cổ nhân hay thêm, để mình dự phần thơm lây, hay sợ cổ nhân có dở thì mình cũng bị nhục lây.

Nhưng, một người An-nam ở đất Annam, khảo cứu về tư tưởng của đời Khổng-tử, muốn đạt được mục đích ấy, cũng phải tốn công lắm lắm. Bởi vì bao nhiêu danh từ về đời Khổng-tử, đến nay đã cách hơn hai nghìn năm, ý nghĩa của nó thay đổi rất nhiều. Có khi cùng một chữ đó, đời

xưa dùng theo nghĩa kia, đến hồi gần đây người Tàu lại đem dùng vào nghĩa này. Và lại, đối với cái kho triết-học của Tàu, chúng mình là người ngoại quốc, không đủ sách cổ mà đọc. Những sách nói về Khổng-tử lưu hành đến đây, hầu hết đã bị pha lộn tư tưởng của Tống-nho, ít khi nhìn vào trong sách, người ta được thấy nguyên hình cái tư-tưởng của thầy trò cụ ấy.

Vi vậy, muốn cho tư-tưởng của Khổng-tử hay những nhà triết-học trong đời ngài không bị trà-chộn pha-phách với các thứ khác, thì sự phiên dịch cũng phải khó khăn như việc lựa dùng tài liệu.

Trước hết phải gác Tống-nho một bên, rồi sẽ đi kiếm cho nhiều những tự-điển cổ của Tàu, như Thuyết-văn, Ngọc-thiên, Đường-vận, hay những sách cổ khác... để so sánh và tìm kiếm nghĩa cổ của những tiếng cổ... Có như thế, công việc phiên dịch mới khỏi có chỗ khuyết điểm.

Coi hai đoạn trong hai bài tựa cuốn I và cuốn III, tác giả "*Nho-giáo*" hình như cũng nhận như thế là phải. Tiếc rằng đến lúc làm việc, ông ấy không chịu giữ đúng lời hứa. Thành ra trong bộ "*Nho-giáo*" đã có nhiều chỗ hoặc dịch sai nghĩa, hoặc

thêm ý mình hay ý Tống nho vào văn kinh truyện. Hãy trung vài đoạn sau đây :

Cuốn I, trang 55, trong đoạn cắt nghĩa chữ “Nho” 儒, tác-giả nói rằng :

«Đời xưa người đi học đạo thánh hiền gọi là Nho, tức là người đã học biết suốt trời đất và người, để dạy bảo cho người ta ăn ở cho phải đạo luân thường. Nho là bởi chữ nhân 人 đứng bên chữ nhu 需 mà thành ra. Nhân là người, nhu là cần dùng, tức là hạng người bao giờ cũng cần dùng đến để giúp cho nhân-quần xã-hội biết đường ăn ở và hành động cho hợp lẽ trời. Chữ nhu lại có nghĩa là chờ-đợi, tức là người học giỏi đợi người ta cần đến, sẽ đem cái tài trí của mình ra mà giúp việc đời . . . »

Chữ « Nho » 儒 mà giảng đến vậy thật là rộng rãi. Có lẽ người đặt ra và người dùng mãi chữ ấy từ xưa đến giờ đều chưa nghĩ đến như thế.

Thật vậy !

Theo phép Lục thư (1) của Tàu, thì chữ *nho* thuộc về loại chữ «hình thanh» cũng như chữ *hà* 河 là sông, chữ *mai* 梅 là cây mơ vậy.

Tại sao gọi là *hình thanh* ? Bởi vì những chữ thuộc về loại này, hết thấy gồm có hai

(1) Sáu lối đặt chữ.

phần, một phần là *hình*, dùng về ý nghĩa, một phần là *thanh*, dùng về tiếng đọc của chữ.

Trong chữ *Nho* 儒, một bên chữ *nhân* 人 tức là công dụng của *hình*, cốt tỏ chữ ấy chỉ về hạng người nào đó. Còn bên chữ *nhu* 需 thì là công dụng của *thanh*, để tỏ chữ ấy phải đọc giống như chữ *nhu*. Thế mà thôi.

Cố-nhiên chữ *nhu* 需 đứng riêng một mình vẫn có nghĩa là cần dùng, là chờ đợi. Nhưng khi nó đã đứng cạnh chữ *nhân* 人 để làm thành ra chữ *nho* 儒, thì những nghĩa ấy không dùng gì đến. Cũng như chữ *mỗi* 每 trong chữ *mai* 梅, chữ *khả* 可 trong chữ *hà* 河, không có nhiệm vụ thuộc về ý nghĩa của những chữ do nó làm ra.

Nếu bảo vì chữ *nhu* đó mà chữ *nho* lại có nghĩa là *một người cần dùng cho nhân-quần xã-hội chờ đợi người ta cần đến, sẽ ra giúp việc cho đời*, thì chữ *hà* 河 cũng vì chữ *khả* 可 đứng bên mà có nghĩa là một «dòng nước khá», hay chữ *mai* 梅 sẽ vì chữ *mỗi* 每 đứng bên mà có nghĩa là một «thứ cây mỗi» được sao?

Ai đã biết lối đặt chữ của người Tàu đời xưa, chắc cũng nhận thấy cái nghĩa chữ “*Nho*” mà tác giả “*Nho-giao*” đem giảng

như trên, thật là xuyên tạc, không đúng bản nghĩa của nó.

Văn cuốn I, trang 79, đoạn nói về phương pháp dạy học của Khổng-tử, tác-giả chép rằng :

«Tục đời cổ, hễ ai đến yết-kiến người nào cũng phải có lễ vật gì. Có người đến xin học, đem lễ bó nem, ngài cũng dạy, Ngài nói rằng : «Tư người đem lễ bó nem trở lên, ta chưa từng không dạy ai vậy.»»

Vậy là Khổng-tử đã để ý phân biệt những món đồ lễ của kẻ xin vào cập môn. Và ngài nói thế tức là ý ngài cho rằng : «Những người vào học mà đem lễ ngài có một bó nem, ấy là món lễ bạc lăm, đáng lễ thì không thêm dạy, nhưng ngài rộng lượng, cũng dạy tất cả».

Nếu thế, thì tư cách cụ Khổng không hơn những hạng thầy đồ biển-lặn là bao.

Nhưng mà cụ Khổng đâu đến nỗi thế, Cái câu : *«tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị tương vô hối yên»* (自行束修以上吾未嘗無誨焉) ở sách Luận ngữ là ngài khoe mình đã dạy học trò một cách chu đáo, bất cứ việc lớn việc nhỏ, cho đến cái việc đưa một bó nem để làm đồ lễ đi thăm người khác, ngài đều chỉ-bảo cho cả.

Phải dịch thế này mới đúng :

« Từ việc đi một bó nem (1) tro lên, ta chưa từng không dạy một việc gì vậy »

Tác giả "Nho-giáo" dịch như thế kia, khiến cho Khổng-tử hóa ngay ra người dè tiện, thật là oan cho cụ ấy !

..

Cũng cuốn I, đoạn nói về tư tưởng chính trị của Khổng-tử, trong cái tiêu đề «*tôn-quan quyền*», tác-giả giải rằng :

« Phạm người ta đã quần-tụ với nhau ở thành xã-hội, thì tất thế nào cũng phải có người đứng đầu cầm quyền để giữ kỷ-cương cho cả đoàn-thể. Người cầm quyền ấy tức là quân. Vậy nghĩa chữ quân là nói người giữ cái quyền chủ-tể cả một đoàn-thể, cả một nước... »

(1) Đoạn này, khi đăng ở báo Thời-vụ, có người căn cứ vào mấy điển-tích ở Hậu-Hàn thư, để giải hai chữ «*Thúc-tu*» nghĩa là «*trúc-thúc, tu-chỉnh*». Chẳng cần bác, chắc ai cũng biết giải vậy là rất vô lý. Vì những lẽ này : 1.) Những chữ «*Thúc-tu*» dùng theo với nghĩa «*trúc-thúc tu-chỉnh*» đều là danh-từ xuất-hiện sau đời Khổng-tử gần một nghìn năm. Khổng-tử để trước gần một nghìn năm, Ngài không có thể nói theo tiếng của những đời ấy. 2.) Nếu chữ «*thúc-tu*» nghĩa là «*trúc-thúc tu-chỉnh*» thì theo văn pháp Tàu, không thể đặt được chữ «*hành*» lên trên. Bởi vì «*trúc-thúc tu chỉnh*» là động-từ, «*hành*» cũng là động-từ, trong văn pháp Tàu, không được dùng hai động-từ chồng nhau như thế. 3.) Nếu «*Thúc-tu*» nghĩa là «*trúc-thúc tu-chỉnh*» thì nó cũng là việc lớn, không phải việc nhỏ. Giả-sử Khổng tử chỉ dạy học trò từ đáy trở lên, thì còn từ đáy trở xuống là những việc gì ? ai dạy cho họ.

Chính-thể nào cũng phải có quân-quyền. Cả quân-quyền do một người giữ thì gọi là đế là vương, mà do một bọn người của công-dân đã thừa-nhận cho giữ, thì gọi là thống-lĩnh; đế vương hay thống-lĩnh đều thuộc về nghĩa chữ quân cả. Vậy nên đối với việc chính-trị của một nước, Khổng-giáo lấy cái nghĩa quân thần làm trọng.

«Ở trong nhà thì con phải hiếu với cha mẹ, ở trong nước thì thần-dân phải trung với quân. Hai chữ trung-quân không nên theo như người ta vẫn hiểu là chỉ trung với người làm đế làm vương mà thôi, nhưng có thể hiểu theo nghĩa rộng là trung với quân-quyền trong nước...»

Trời ơi, nếu quả như thế, thì Khổng-tử chẳng những không khác Jean Jacques Rousseau mà còn giống cả Karl Marx và Lénine nữa.

Giải nghĩa kiểu ấy, cố nhiên hợp với phong-trào dân-chủ ngày nay, nhưng mà người Tàu vị-tất đã chịu. Là vì nếu thật chữ *quân* có nghĩa là *quân quyền* thì ra mấy nghìn năm nay, cả nước nhà họ đều dùng sai nghĩa của nó. Cho đến chính mình Khổng-tử cũng hiểu sai nữa.

Nhưng sự thực chủ nghĩa *trung-quân* của Khổng tử đâu được mệnh-mông vô bờ bến vậy?

Nội trong các sách thuộc về Khổng giáo, không có chỗ nào phân biệt quân quyền với bản thân người làm đế vương.

Hơn nữa, trong cuốn Xuân-thu là sách chính tay Khổng tử làm ra, ngài không bỏ sót một ông vua nào của nước Lô mà không chép «*công tức vị*» (1), cho đến Hoàn công là kẻ giết anh để cướp ngôi vua, ngài cũng chép «*công tức vị*» như thường.

Lại khi Ai-công say đắm nữ-nhạc, biếng-nhác chính sự, ngài đã định bỏ ngôi quan, nhưng lại chờ cho đến lúc tế giao không chia phần thịt cho các đại-phu, mới đi, để khỏi lộ cái tội mê gái của vua.

Và có lần một viên Thái-tể hỏi ngài : « Chiêu-công biết lễ hay không ». Ngài đáp rằng có biết lễ. Trở ra, viên Thái-tể ấy bảo người khác rằng : « Ta nghe quân-tử không có bè-đảng. Té ra quân-tử cũng bè-đảng ư ? Chiêu-công lấy vợ ở nước Ngô là người cùng họ. Nếu ông ấy mà cũng biết lễ, thì ai mà không biết lễ ? » Nghe thấy chuyện đó, Khổng-tử nói rằng : « Khâu này may ! nếu có lỗi, người ta ắt biết . » Đó là ngài muốn tỏ rằng : Chính mình cũng nhận Chiêu-công thật không biết lễ, chỉ vì

(1) Công lên Ngôi.

ông đó là vua của ngài, cho nên ngài thà chịu lỗi không biết xét người, không dám nói thẳng chỗ xấu của vua.

Coi mấy chuyện đó thì biết chủ nghĩa *trung-quân* của Khổng-tử, tức là trung với bản-thân những người làm đế làm vương, không phải chỉ trung với quyền của vua. Không nên đem tư-tướng ấy mà thêm cho ngài.

Chắc rằng tác-giả *Nho-giáo* sẽ lấy hai chữ « *tùy-thời* » ở kinh Dịch để cãi đoạn này, nếu như ông ấy trả lời bài phê-bình này.

Vâng, hễ đến khi nào tác giả cãi vậy, tôi sẽ sẵn lòng thừa-tiếp. Ở đây, chỉ cần nói rằng : Chủ-nghĩa tôn quân của Khổng-tử, tuy không hợp với thời thượng. Nhưng Khổng-tử đã nghĩ như thế thì mình cứ nói như thế, không phải chữa lại cho ngài.

...

Lại cũng cuốn 1. trang 176, nói về đạo-hiếu của Khổng tử, tác-giả trưng ra đoạn này :

« *Khi cha mẹ mới khởi làm điều gì không phải, thì ta nên lấy lời cung-kính mà can-ngã, nếu cha mẹ không nghe, thì lại kính*

mà theo, dẫu cha mẹ có đánh đập cũng không oán giận ».

Tiếp đó tác-giả dẫn luôn mấy câu chữ Hán :

« *Sự phụ mẫu cơ gián, kiến chi bất tòng, hựu kính bất vi, lao-nhi bất oán* 事父母幾諫見志不從又敬不違勞而不怨 »
(Luận-ngữ Lý-nhân).

Thế nghĩa là cái đoạn quốc-văn ở trên dịch theo cái đoạn Hán-văn ở dưới. Lỗi đảo ngược ấy tác giả vẫn dùng luôn trong sách này.

Tôi không hiểu ông ấy căn-cứ vào cái gì ở sách Luận-ngữ mà câu « *lao-nhi bất oán* », lại dám dịch là « *dẫu cha mẹ có đánh đập cũng không oán giận* » ? chữ « *lao* » 勞 mà có nghĩa là *đánh đập*, thì thật là sự mới mẻ trong tiếng Tàu, người Tàu đến nay vẫn chưa biết.

Nhưng theo đúng nghĩa cũ của nó, thì câu ấy phải như thế này : « *Dù vi cha mẹ mà phải vất-vả cũng đừng oán giận* », có vậy thôi.

Sở dĩ tôi nhắc đoạn này, không phải cốt để bới lòng tìm vết cái lỗi nhỏ ấy. Chủ ý của tôi muốn về điều sau đây:

Cứ như nguyên văn mấy câu Luận ngữ trên đó thì cái đạo hiếu của Khổng-tử

hình như cũng hơi khó hiểu. Thấy cha mẹ mới nhóm có ý làm điều không phải thì can, khi can không được lại phải cung-kính mà theo, như thế, há chẳng là ngài bảo « những kẻ làm con phải theo cả điều không phải của cha mẹ khi mà can-gián cha mẹ không nghe » ?

Tác-giả chừng nghĩ như vậy, cho nên cách một đoạn sau, ông ấy lại vợ mấy câu ở sách *Khổng-tử gia-ngữ* đề bào chữa lại cho Khổng-tử :

« Cha có trách-tử (1) thì không làm điều vô-lẽ..... Cho nên con theo mệnh cha, há đã là hiếu ? Chỉ có biết xét cái đáng theo mà theo, mới gọi là hiếu.... »

Rồi đó tác giả tán thêm :

« Xem thế thì làm điều hiếu không phải cha làm thế nào con cũng theo. Có khi cha làm điều gì trái lẽ thì phải can-ngăn để cho cha không bị những điều lầm-lỗi. Ấy mới thật là hiếu ».

Sao mà rắc-rối quá chừng.

Nếu quả vậy, nếu quả Khổng-tử đã giậy học-trò như hai đoạn tác-giả nói đó, quyết rằng học-trò sẽ phải cãi lại.

Thì lúc này đã khuyên người ta : *« Nếu can cha mẹ không được, lại phải cung-kính mà*

1) Người con biết can cha mẹ.

theo» rồi đến lúc khác lại bảo người ta : «Con theo mệnh cha không phải là hiếu. Làm điều hiếu là phải hết sức can-ngăn cho cha mẹ khỏi bị làm-lỗi» thế thì người ta sẽ xử ra sao khi thấy cha mình làm điều không phải mà can không được? nên theo hay nên không theo?

...

Nào có thể thôi? Còn nữa :

Cũng trang 176, sau cái đoạn ở sách Luận ngữ, tác-giả nối luôn đoạn này :

«Phàm hiếu là khéo nối được chí của cha mẹ. Khéo nối được việc của cha mẹ. «Phù hiếu giả thiện kế nhân chí chí, thiện thuật nhân chi sự giả dã 夫孝者善繼人之志善述人之事者也 (Trung-dong). Câu này cốt ở chữ thiện, nghĩa là phải khéo biết phân-biệt cái chí của cha mẹ và công-việc của cha mẹ đã làm, để xem cái gì hay thì theo, cái gì dở thì bỏ, chứ không phải gặp thế nào cũng nhắm mắt mà theo»

Thế rồi cách một trang nữa, dưới mấy câu của sách *Không-tử gia-ngữ*, tác giả trưng ra đoạn này :

«Cha còn thì phải xem cái chí của cha, cha mất rồi phải xem việc làm của cha, ba năm không đổi cái đạo của cha, khá gọi là hiếu vậy».

Và lại giải thêm :

« *Lúc cha còn thì xem cái chi, để có điều gì không phải thì can, việc không nên làm mà cha đã làm, thì không đổi ngay, đợi hết ba năm tang chế rồi hãy thay đổi, thế mới thích hợp với lễ trung vậy.* »

Ôi ! Nghe cái *lễ trung* của tác-giả thêm cho cụ Khổng ở chỗ này mà buồn !

Không rõ tác giả đã đo bằng thứ thước nào mà biết cái *lễ trung* thế là thích-hợp ?

Giả-sử có kẻ sau khi cha mất độ hai năm rưỡi hay ba năm « một » rồi mới thay đổi công-việc của cha, thì so với *lễ trung* là thiếu mấy thước, hay thừa mấy tấc ?

Đem đoạn này mà giống vào với đoạn trên, tôi thấy hai ông hiểu tử cãi nhau lộn bậy. Ông hiểu-tử trên thì không thích hợp với *lễ trung*, vì không chịu *nhắm mắt theo việc dở của cha mẹ đã làm*. Còn ông hiểu-tử dưới thì ít ra cũng phải *nhắm mắt* ba năm vì đã để những việc « *không nên làm* » mà cha đã làm đến hết tang-chế mới đổi.

Kém gì cuộc hủ tim hòa !

Nhưng xin đọc giả nhớ rằng : trong mấy đoạn này tôi không bình-phẩm đạo hiếu của Khổng-tử, chỉ cốt tỏ rằng : Tác giả vì

muốn bắt Khổng-tử theo mình, nên đã vợ
vào một số tài-liệu vu vợ mà tán rộng ra,
khiến cho Khổng-tử hóa ra một người mâu-
thuần bất-thành-cú vậy.

∴

**Biên-tập không theo
phương-pháp khoa học**

Tuy chưa thành luật, nhưng sự tiến bộ
của học giới trong thế kỷ thứ hai mươi
cũng đã có phần bất-ước, những nhà
khảo-cứu triết-học không thể bỏ được
phương-pháp khoa-học.

Qui-nạp-pháp, biện-chứng-pháp, hay phân
loại-học... đều là những thủ-hạ-kết-tat
cần của người học-giải. Với việc khảo-cứu
triết-học, mấy thủ-khoa-học đó cũng như
thước-vuông để làm đồ-vuong, thước-tròn
để làm đồ-tròn. Có nó, người ta mới có
thể sắp-dặt cho ta môn-loại, có trật tự,
có hệ-thống, nhất là tìm được chân-tượng
những mô-tr-tượng của người xưa đã
bị hình-tinh, lộn-zộn trong đồng sách cổ.

V

**Biên-tập không theo
phương-pháp khoa-học**

Tuy chưa thành luật, nhưng sự tiến-bộ của học giới trong thế-kỷ thứ hai mươi cũng đã có quyền bắt-buộc những nhà khảo-cứu triết-học không thể bỏ được phương pháp khoa-học.

Qui-nạp-pháp, biện-chứng-pháp, hay phân loại-học... đều là những thứ lợi-khí rất cần của người học-giả. Với việc khảo-cứu triết-học, mấy thứ khoa học đó cũng như thước vuông để làm đồ vuông, thước tròn để làm đồ tròn. Có nó, người ta mới có thể sắp-đặt cho ra môn-loại, có trật tự, có hệ-thống, nhất là tìm được chân-tướng những mở tư-tưởng của người xưa đã bị linh-tinh, lộn-xộn trong đồng sách cổ,

hay bị mờ-ám bởi sự bàn ra, tán vào của người đễ sau.

Tác-giả *Nho-giáo* vốn là một nhà Tây-học uyên-thâm, hẳn đã từng đọc những sách khảo-cứu của phương Tây, chắc không lạ gì những phương-pháp ấy. Không hiểu vì sao ông ấy không chịu đem nó mà dùng vào việc kê-cứu, biên-tập?

Thật thế, trong bộ "*Nho-giáo*" người ta ít khi được thấy có chỗ hợp với phương-pháp khoa-học.

Bởi thế sách ấy — nhất là cuốn I — mới có những khuyết-diểm sau đây:

1) *Phân loại không được rành-rọt.*

Về học thuyết của Khổng-tử, tác-giả chia ra hai phần: *Hình-nhi-thượng-học* và *hình-nhi-hạ-học*.

Hai chữ «học» ấy có lẽ chưa được ổn thỏa. Khổng-tử là nhà tư tưởng, không phải là nhà học-giả, dù mà ngài vẫn nói mình là người ham học. Thế thì những điều nhận-xét của ngài, chỉ có thể gọi là quan-niệm, hay tư-tưởng, không thể gọi là cái học. Người ta không nói «*vũ trụ học*» và «*nhân-sinh học*» của Giê xu, tất nhiên

cũng không nên nói «*Hình-nhi thượng-học*» và «*Hình-nhi hạ-học*» của Khổng-tử.

Nhưng mà điều đó không cần bàn nhiều, vì nó chỉ là một sự nhỏ-nhặt. Cái đáng nói là tinh-cách của sự phân-loại ấy.

Sáu chữ «*Hình nhi thượng*» và «*Hình-nhi-hạ*» không phải tác-giả đặt ra. Gốc gác của nó vốn ở thiên *Hệ-tử thượng kinh Dịch*. Nguyên-văn câu ấy thế này:

«*Hình-nhi thượng giả vị chi đạo, hình nhi hạ giả vị chi khí*».

Gác hết những lời bàn phiếm của Tống-nho, thì thấy câu đó chỉ có nghĩa là: «*Từ vật có hình-tượng trở lên gọi là đạo, từ vật có hình tượng trở xuống thì gọi là đồ*» Có thể thôi.

Như thế, chữ «*Hình nhi thượng*» chỉ đề chỉ về những cái vô-hình, mà chữ «*Hình nhi hạ*» thì đề chỉ về những cái hữu-hình, đó là hai cái danh từ tương-đối, không có gì là phiền-phức cả.

Tác-giả cũng nhận «*hình nhi thượng*» chỉ là lẽ vô-hình, nhưng đến chữ «*hình nhi hạ*» thì lại cho là cái học thuộc về những điều quan-hệ đến nhân-sinh nhật-dụng của người ta.

Thì cũng kể là được đi. Bởi vì tác-giả

vẫn có quyền đem danh-từ cũ dùng theo nghĩa mới, độc-giả vẫn có thể theo ý tác-giả mà hiểu ngầm rằng : những chữ « *hình nhi thượng* » và « *hình nhi hạ* » nó cũng gần giống gần giống chứ không thật giống — những chữ « *vũ-trụ quan* » và « *nhân sinh-quan* » của các nhà khảo-cứu bây giờ. Nhưng hãy coi trong hai danh-từ đó, tác-giả liệt vào những gì ?

« *A Hình nhi thượng-học :*

« *I — quan-niệm về trời và người : Thái-cực và sự biến-hóa của thiên-lý — Người và sự trí-giác — Trung — Sinh — Nhân....*

« *II. — Đạo của Khổng-phu-tử — Cái vui trong sự sinh-hoạt.*

« *B. Hình nhi hạ-học*

« *I — Quân-tử và tiểu-nhân.*

« *II — Sự học-vấn và cách thao - thủ của người quân-tử : Sự học-vấn — Tu-thân, Xử-kỷ, Tiếp-vật — Quan-nhân — Bằng-hữu, Bác-ái...*

« *IV — Chính-trị : Quan-niệm về chính-trị. . .*

Đọc hết những tiết mục ấy, người ta sẽ thấy sự phân-loại của tác-giả rất thiếu về phần tinh vi.

« *Cái vui trong sự sinh-hoạt* » với « *Bác-ái* » và « *Hiếu-đễ* » nội-dung tuy có khác nhau, nhưng nó đều là điều kiện trong sự

sống của người đời. Thế thì có sao « *bác-ái* » « *Hiếu-dễ* » phải ở phần « *Hình-nhi-hạ* » mà « *cái vui trong sự sinh-hoạt* » lại được nhắc lên phần « *Hình-nhi-thượng* » ? Giả-sử đem mấy thứ đó đánh đổi địa-vị cho nhau thì có trở-ngại gì không ?

Quyết bằng không.

2 — *Danh-từ dùng không đúng nghĩa*

Trong cuốn « *Nhờ-giáo* » số 1, tác - giả đã nói rất nhiều những chữ « *lý vô-cực* » và « *lý-thái-cực* ».

Đó là theo ý Tống-nho.

Dưới câu « *Dịch hữu-thái cực* » trong thiên *Hệ - từ - thượng* kinh dịch, Tống-nho chưa rõ ràng rằng : « *Thái-cực tức là lý vậy* ». Và ở trong bộ *Tinh-ly*, họ cũng còn nói nhiều chỗ như thế. Cái đó chỉ tại Tống-nho mắc bệnh chủ-quan, cho nên họ mới cố-ý đem thuyết huyền-bí của cuốn sách bói bảo là những vũ-trụ-quan của Khổng-tử. Tác-giả « *Nhờ-giáo* » không xét chỗ đó, nên cũng bị lầm như họ. Cho được chứng rõ điều đó, hãy coi tác giả cắt nghĩa những danh-từ ấy ra sao :

« *Vũ-trụ lúc đầu là một cuộc hôn móng mở-*

mật, không phân biệt ra gì cả. Trong cuộc hôn-mông ấy có cái lý quang-minh linh diệu vô cùng, tức là Thái-cực. Song Thái-cực là đơn-nhất, tuyệt-đối, ẩn-khuất không rõ ra, cho nên không sinh-hóa được. Muốn sinh-hóa thì phải có đôi, có tương-đối, có điều-hòa. Vậy nên Thái-cực biến thành ra âm và dương. . . (Trang 44).

« Đối với tạo-hóa thì Khổng-phu-tử theo cái tư-tưởng đời trước cho rằng lúc đầu ở trong vũ-trụ chỉ có lý vô-cực (1) tức là đời hỗn-mang, mù-mịt không rõ là gì cả. Lý-vô-cực ấy tức là lý Thái-cực rất linh-diệu, rất cường-khiên.. Thái-cực có lúc tĩnh, có lúc động, mới phân âm và dương. (Trang 89)

Chắc không ai biết lý Vô-cực và lý Thái-cực là cái vật gì.

Theo như cái nghĩa mọi người vẫn hiểu, thì «lý» chỉ là một điều trong sự tưởng-tượng của loài người. Nó không có hình, có tượng, người ta có thể nghĩ đến nó, nói ra nó, không thể sờ thấy, nắm thấy, ngửi thấy, nghe thấy hay trông thấy nó.

Nhưng «lý vô-cực» và «lý Thái-cực» mà

(1) Vô cực là thuyết của Tống nho, không phải thuyết của Khổng tử, trong bài của ông Phan Khôi phê bình «Nho giáo» đã có nói đến chỗ này.

tác-giả nói đây, thì rõ ràng là một vật có hình, có tượng, tuy chưa ai được trông thấy. Vì nó có những đức-tính « *hôn mông mờ-mịt* » « *quang-minh linh-diệu* » « *hôn-mang mờ-mịt* » và rất « *liah-diệu* » và « *rất cường-khện* ». Hơn nữa, tự nó lại còn biết *muốn* — *muốn* sinh hóa — *có thể động-tĩnh* và *có thể sinh-hóa được* nữa.

Vậy thì lý vô-cực và lý Thái-cực là ông ngáo ộp hay con ma khôn ?

Tôi không cấm Thái-cực và Vô-cực không được có những đức-tính ấy, vì nó là vật do sự tưởng-tượng mà ra, người ta muốn cho nó là trời đất gì mà chẳng được ! Y tôi chỉ cần nói rằng : Với những đức-tính tác-giả đã tả ra kia, nó không xứng-đáng được gọi là lý hay lẽ. Gọi nó là lý hay lẽ, ấy là trái với khoa học. Lý đâu lại có thứ lý biết *muốn* có thể *sinh-hóa* và có thể tự-động, tự-tĩnh, có thể khiến cho người ta trông thấy như loài sinh-vật vậy ?

Trong bài « *Ngã dịch tin-nguỡng* » của Ngô trĩ-Huy cũng có nói đến những tiếng Thái-cực, Vô-cực, ông ta gọi nó là « *khối* » và « *thể* », như thế có lẽ thông hơn.

3) *Vượt qua địa-hạt của nhà phê-bình*

Chức-vụ của nhà khảo-cứu triết học, chỉ cốt làm sao giữ đúng chân-tượng của cổ-nhân, khiến cho hậu-nhân khỏi bị hiểu lầm. Cho nên trong một cuốn sách khảo cứu triết học, sự phê-bình là việc rất nên kiêng kỵ. Vì nó có thể làm loạn mất sự phán-đoán của độc giả, khiến cho người ta không thể nhận đúng tư-tượng của cổ-nhân nữa,

Tác giả "*Nho-giáo*" tuy nói rằng dùng sách ấy để làm một bức bản-đồ vẽ đúng chân-tượng của đạo Nho, mà khi khảo-cứu, vẫn luôn luôn tự phạm điều cấm kỵ ấy.

Thí-dụ như những đoạn này :

«*Đạo của ngài (Khổng tử) là đạo chi-công, chí chính, khiến người ta phải theo thời mà biến đổi, tức là đạo phải tiến-hóa luôn.*

«*Chữ hiểu trong Khổng-giáo là quan-trọng như thế. Cho nên người đi học (?) phải xét cho kỹ, chớ nên vội-vàng phán-đoán nông-nổi mà sai lầm. Cũng vì nhiều người không hiểu, cứ câu-nệ về cái hình-thức bề ngoài... Đây là cái lỗi tại những người đời sau, chứ theo cái đạo của Phu-tử, thì có điều gì là không hay?*

« Đạo của Khổng-phu-tử là đạo Trung-dung. rất thích-hợp với chân-lý, thật là đạo xử-thế rất hay, rất phải, ai theo cũng được và thi-hành ra đời nào cũng được,.. »

Dẫn qua mấy đoạn mà thôi, thực ra trong bộ Nho giáo còn vô số chỗ như thế.

Sự phê-bình đó chứng rằng tác giả lúc nào cũng đứng địa-vị chủ-quan, không thể bỏ hết thành kiến. Điều đó rất có hại cho công việc khảo-cứu. Chính nó đã làm cho cuốn *Nho giáo* phải có nhiều chỗ sai lầm.

4 — Không chịu nhận-xét những chỗ sai lầm của sách cổ

Khảo cứu về triết-học đời cổ của Tàu, không những chỉ nguy-hiểm về nạn sách giả, mà còn nguy-hiểm về nạn chữ lầm là khác.

Ở trên đã nói, từ đời Khổng-tử đến đời Tây-Hán, thể chữ và đồ viết của Tàu thay đổi đến ba, bốn lần. Thể chữ, trước là lối chữ khoa đầu, Thái-sử-Lự nhà Chu mới đặt ra lối đại-triệu, Lý Tư nhà Tần thì đặt ra lối tiểu triệu, Trình-Mạc nhà Tần lại đặt ra lối khái-thư, tức là thứ chữ chân phương

người Tàu vẫn dùng bây giờ. Trong mỗi lần thay-đổi thể chữ, các sách chữ cũ đều phải chuyển sang chữ mới, tất nhiên trong sự sao chép không thể không bị lầm-lẫn, thiếu-sót. Đồ viết cũng vậy. Những sách trong đời Khổng-tử, hết thảy viết bằng thẻ tre. Người ta dùng tre đẽo thành cái thẻ, rồi lấy nhựa sơn mà viết chữ vào. Những cái thẻ ấy đều có sợi quai bằng da, sau khi viết xong, đem xâu từng xâu treo lên mái nhà. Đó gọi là sách. Đến đời nhà Tần mới biết viết chữ vào lụa. Rồi đến Sài-Luân nhà Hán mới dùng vỏ cây mà chế ra giấy. Từ thời-kỳ viết bằng thẻ tre cho đến thời-kỳ viết bằng lụa, cách nhau hơn ba trăm năm, từ thời-kỳ viết bằng lụa đến thời-kỳ viết bằng giấy, cách nhau độ hai trăm năm nữa, các thứ sách ấy tránh sao khỏi những nạn chuột tha một đực, dấn nhấm, hay là đứt quai, đứt chuỗi mà lạc đi mất.

Hai cái cơ đó, nó đã bắt-buộc người ta tin rằng những sách đời cổ còn đến bây giờ, phải có nhiều chỗ sai-lầm. Tuy rằng từ đó đến nay, hậu-nho đã có nhiều lần so sánh, tra khảo, chữa đi chữa lại, nhưng mà những chỗ sai-lầm vẫn không thể hết.

Tác-giả «*Nho-giáo*» hình như quá tin Tống-

nho, thấy họ nói sao, liền theo làm vậy, cho nên trong cuốn "*Nho giáo*" không hề chú-ý đến chỗ sai lầm của sách cổ, và một đời khi đã dùng những chỗ sai-lầm ấy để làm tài-liệu phán đoán tư-tưởng của Khổng-tử.

Cuốn I, trang 248, đoạn nói về kinh Dịch tác-giả có dẫn câu này của sách Luận-ngũ :

«Giả ngã sở niên, tốt dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hĩ».

Và dịch nghĩa là :

«Giả cho ta thêm được mấy năm nữa, để ta học Dịch cho trọn vẹn, thì khả-dĩ không có điều lầm lớn vậy».

Rồi chua thêm rằng :

«Trong chính-văn viết là : «Giả ngã sở niên, ngũ thập dĩ học Dịch». Nhưng xét ra khi ngài về nước Lô, định lại kinh Dịch, thì ngài đã gần 70 tuổi, vậy chữ «ngũ thập» ở đây không có nghĩa. Chắc là chữ «tốt» người ta chép lầm ra chữ «ngũ thập».

Luôn thế tác-giả tán rằng :

«Một bộ sách thánh-nhân đã phải dụng-lâm đến như thế và cho là khó hiểu như thế tất là có bao nhiêu cái tư-tưởng kỳ diệu...»

Phải, trong sách "*Luận-ngũ tập-chú*», dưới chương này Chu-Hy đã có dẫn lời Trình-Di nói rằng : ông ta từng đọc sách

Luận-ngữ khác, chữ «gia» chép làm chữ «giá» chữ «ngũ thập» chép làm chữ «tốt», nhưng không nói bản Luận-ngữ ấy là của người nào. Như thế chữ «tốt» thay vào chữ «ngũ thập» không có gì là bằng-cứ chắc-chắn, không thể cho là đúng được. Huống chi tất cả chương ấy, ý nghĩa cũng không rành rọt, người ta có thể ngờ cả chữ «dịch» chưa chắc đã đúng.

Vậy thì chương này chỉ nên coi là một đoạn hoài-nghi không nên dùng làm tài-liệu dịch-xác để nói cái quan-niệm của Khổng tử đối với kinh. Dịch, nhất là không thể theo như ý của Tống-nho.

Cũng cuốn I, trang 254, đoạn nói về kinh Xuân-thu, tác giả nói rằng :

«Dẫu đời bấy giờ, các nước chư-hầu có nhiều người không biết đến vua nhà Chu nữa, nhưng người chép ngay đầu sách là : «Xuân-vương chinh nguyệt : Mùa xuân tháng giêng của vua nhà Chu» để tỏ cái ý vẫn nhận vua nhà Chu làm chủ cả thiên-hạ...».

Đó là tác-giả đập lại ý của Tống-nho, kỳ-thực «xuân-vương chinh nguyệt» chỉ là một câu sai-lầm, giải bằng cách nào cũng không có nghĩa.

Trong kinh Xuân-thu, bốn chữ ấy đứng riêng một chương, trên và dưới nó không có chữ nào khác nữa.

Bảo rằng Khổng-tử vì tôn vua nhà Chu, cho nên tuy không việc gì cũng chép *tháng giêng nhà vua* thì rất không thông. Bởi vì nhà Chu lấy tháng kiến-tý (tháng mười một) làm đầu năm, tháng giêng của nhà Chu tức là mùa đông, sao lại nói là mùa xuân? Còn nói Khổng-tử vì muốn thực-hành chí mình, cái chí muốn dùng lịch của nhà Hạ, (lấy tháng kiến dãn làm đầu năm), nên mới chép thế, thì lại mâu-thuẫn hơn nữa. Vì theo lễ-tục của Tàu, thì đổi chính sóc (1) tức là một cuộc cách-mệnh rất lớn. Nếu đổi chính-sóc của nhà Chu tức là làm cách-mệnh với nhà Chu rồi, còn gì là tư-tưởng tôn Chu?

Với bốn chữ này, tiên nho cãi nhau đã nhiều. Trong cuốn «*Văn-minh tân-học sách*» của *Đông-kinh nghĩa-thục* đã có phê-bình mấy câu rất đúng như vậy :

«Xuân-vương chính nguyệt» chỉ là một câu của thánh-kinh, thế mà kẻ cho là tháng giêng của nhà Hạ, kẻ cho là tháng giêng của nhà Thương, kẻ cho là tháng giêng của nhà Chu, đàn mõ đưa kêu, rút lại làm thành một lời

(1) tháng giêng và ngày mồng một

bàn trăm nghìn năm vẫn không giải quyết..

Thật thế, nếu muốn giải quyết lời bàn ấy, chỉ có cách đọi lúc quả đất tiêu-diệt.

Cho nên câu ấy cũng phải cho vào một mớ hoài nghi, không thể lấy nó làm chứng cho tư-tưởng tôn Chu của Khổng tử.

... bạn tôi nghĩ năm rồi không nói được...
 Thật thế, nếu muốn giữ lại lời bạn
 ấy, chỉ có cách đợi lúc quá đỗi tiêu-biệt.
 Cho nên các vị cũng phải cho vào một
 mô hình ngữ, không thể lấy nó làm chứng
 cho tư-trung tôn Chử của không tư.

VI

Nói thêm

Tập phê-bình này đến đoạn thứ V, kể đã hơi dài, tự tôi đã thấy có một vài chỗ tỉ-mỉ. Cố nhiên sự tỉ mỉ ấy vẫn không thể tránh, nếu muốn phê-bình một cách cẩn-thận. Nhưng nó cũng là điều mà tôi không muốn.

Thực ra trong bộ Nho-giáo còn nhiều khuyết điểm. Song nói nữa e còn tỉ-mỉ hơn nữa. Vậy xin hãy tạm kết thúc.

Trước khi dừng bút, tôi muốn nói qua về vũ-trụ-quan của Khổng tử, thay làm kết-luận bài này.

Nhưng đoạn cuối cùng này, mục đích không riêng ở sự phê-bình «*Nho giáo*».

Nhân khi phê bình «*Nho-giáo*», tôi muốn bày tỏ ý kiến của tôi đối với sự nhận định cái vũ-trụ-quan của Khổng-tử nữa.

Cái ý-kiến ấy khác hẳn ý-kiến của tác-giả «*Nho-giáo*» và của hết thầy Tiên nho từ trước đến giờ.

Trong cuốn «*Nho-giáo*», nhất là cái phần mà tác-giả đặt tên là «*Hình-nhi thượng học*» đã có nhiều đoạn nói rất quyết đoán về cái quan-niệm của Khổng-tử đối với trời và quỷ-thần.

Trang 89, dưới cái tiêu đề «*Thái cực và sự biến hóa của thiên lý*»...

«*Đối với cuộc tạo - hóa, thì Khổng-phu-tử theo cái tư-tưởng đời trước cho rằng lúc đầu ở trong vũ trụ chỉ có cái lý vô-cực, tức là đời hôn-mang mờ mịt không rõ gì cả. Lý Vô cực ấy tức là lý Thái-cực rất linh-diệu, rất cường kiện. Nhưng Thái cực huyền - bí không thể hiểu rõ được cái chân-tinh, ẩn-khuất không thể hiện rõ được cái chân-tướng. Thái-cực có lúc tĩnh lúc động mới phân ra âm và dương, âm-dương biến hóa sinh ra trời đất và muôn vật.*

Trang 116, dưới cái tiêu đề «*quỷ-thần*» :

«*Khổng-tử đã tin có trời, có thiên-mệnh, tất là tin có quỷ thần. Quỷ-thần là khí thiêng liêng ở trong trời đất, tuy mắt ta không trông thấy, tai ta không nghe thấy, nhưng vẫn thể*

được muôn vật không sót vật nào : Đâu đâu cũng hình như ở trên đầu ta, ở bên tả bên hữu ta... »

Trang 118, dưới cái tiêu đề « Kinh và thành » :

« Khổng-tử tin có trời và có quỷ-thần, chứ không phải như ý-kiến những người hiểu không rõ cái học - thuyết của ngài, nói phỏng chừng rằng : đạo của ngài là đạo vô thần. Nhưng phải biết rằng : Phu-tử cho trời là cái Ly-linh-diệu chí-công chí-chính, mà quỷ-thần là cái Ly-linh-khi của trời đất, rất thông-minh chính-trực, tất là trời và quỷ-thần không có thiên-tư điều gì vậy... »

Trang 121 dưới cái tiêu đề « Sự sinh-tử » :

« Về sự sinh-tử thì Khổng phu tử cũng tin như mọi người đương thời bấy giờ. Ngài nói rằng : người sinh ra có khí, có hồn, có phách. Khí, hồn, phách hội lại gọi là sinh... »

« Chết rồi thì cái hài cốt chôn xuống đất, dần dần tan nát đi, còn cái khí tinh-anh thì lên trên khoảng không gian sáng rõ rục-rỡ. »

Còn nữa và còn nhiều lắm. Dẫn vào bấy nhiêu, cũng đủ chứng rằng : theo ý tác giả “*Nho-giáo*” thì đối với trời và quỷ-thần, Khổng-tử đã có những cái quan-niệm rất rõ-rệt.

Sự nhận-định ấy có lẽ là chỗ rất đặc-ý của tác giả, cho nên trong lời phát-đoán,

tác-giả mới nói thế này :

« Ngày nay ai bàn đến Nho-giáo thì cũng chỉ xét những điều thiết thực về đường luân lý và chính-trị, chứ không mấy khi bàn đến đạo lý tối cao ở Nho-giáo. Thành thử ta chỉ hiểu được cái phần thiên-cận mà thôi. Cái phần thâm-viễn thì vẫn mập mờ không rõ ».

Đó là ý của tác-giả. Bởi vì tác giả nghĩ vậy, cho nên mới muốn Khổng giáo cũng được như vậy. Kỳ thực những cái mà tác-giả cho là phần tối-cao, phần thâm viễn của Khổng-giáo đó, đối với đời nay, chỉ là những cái tư-tưởng ấu-trĩ của đời thượng-cổ và nó không đúng với học-thuyết của Khổng-tử.

Cố nhiên tác-giả nhận định cái quan-niệm của Khổng-tử đối với trời và quỷ-thần như vậy, cũng là theo những tài-liệu ở các sách cổ mà sắp đặt ra cho môn loại, không phải tự mình đặt ra.

Nhưng, những tài-liệu ấy, tác-giả đã lấy ở đâu ?

Kinh Thi, kinh Thư, kinh Lễ, kinh Dịch, Trung-dong và Khổng-tử gia-ngữ. Đó là những chỗ mà tác giả dùng làm căn-cứ để phán-đoán cái phần «Hình nhi thượng» trong học-thuyết của Khổng-tử.

Trong bấy nhiêu cuốn, thì kinh Lễ, kinh

Thư, Trung-dong đều là những sách hoặc thật giả-mạo, hoặc có thể ngờ là giả-mạo. Khổng-tử gia-ngữ lại là bộ sách biên-tập sau đời Khổng-tử khoảng 700 năm, ở một đoạn trước đã nói rõ rồi. Duy có kinh Dịch thì tôi chưa kịp nói đến.

Sách này, từ xưa đến giờ, ai cũng bảo là do Phục-hy, Văn-vương và Chu-công làm ra, rồi đến Khổng-tử mới sửa-soạn lại và thêm ý-kiến của mình vào đó.

Người ta nói rằng: Trong bộ kinh Dịch, Phục-hy đặt ra tám vạch, Văn-vương đặt ra lời «Thoán», Chu công đặt ra lời «Hào», rồi đến Khổng-tử làm thêm Thoán-truyện, Tượng-truyện, Hệ từ-truyện, Văn-ngôn-truyện, Thuyết-quái truyện, Tự quái truyện, và Tập-quái-truyện, tất cả mười thứ, gọi là thập dực, để phụ vào với các món của Phục hy, Văn-vương, Chu công.

Ấy là người ta nói theo «Hán thư» và «Sử ký» của Tư mã-Thiên đời Hán. Những chuyện «Khổng tử sửa định sáu kinh», «Khổng tử đọc Dịch ba lần bị đứt lông da» đều do Hán-nho nói ra tất cả.

Theo sự kê-cứu của tôi, thì chính tay Khổng-tử chưa có dính vào sách ấy.

Nói vậy không khỏi có người cho là

quái-gở. Bởi vì từ đời nhà Hán đến nay, cả Tàu lẫn Ta, không có một học-giả nào dám bảo kinh Dịch lại không qua tay Khổng tử sửa lại. Cho đến Hồ Thích là nhà khéo - cứu rất tinh-vi, cũng còn nhìn nhận như thế. Nay tôi bác hẳn sách ấy, há chẳng phải là sự nói bướng ?

Nhưng mà không bướng chút nào. Những cái bằng chứng sau đây đã gọi cho tôi sự phán đoán ấy.

1) Giọng văn những thiên Thoán truyện Văn-ngôn, Hệ-từ... trong kinh Dịch khác hẳn giọng văn Luận-ngữ là thứ sách dịch thực do của Khổng-môn chép ra, nó có pha vào rất nhiều danh từ mà đời Khổng tử chưa có.

2) Các thiên Thoán-truyện, Văn ngôn, Hệ-từ... thiên nào cũng có những chữ «Tử-viết». Theo đúng nghĩa đen của nó, thì hai chữ ấy phải dịch là «thầy nói rằng». Tự mình chép sách mà mỗi câu lại thêm chữ «thầy nói rằng» lên trên, tất nhiên tác-giả phải là kẻ điên. Khổng-tử là người rất chú-ý về khoa chính danh, lời nói của ngài không có chữ nào cầu-thả, quyết không khi nào chép sách bằng giọng điên ấy.

3) Những thiên Thoán truyện, Văn-ngôn, Hệ-từ... không biết xuất-hiện từ đời nào. Trong đời nhà Hán nó vẫn linh-tinh mỗi thứ mỗi nơi. Đến Phi Trục (1) mới đem Thoán-truyện, Tượng truyện phụ vào đàng cuối kinh Dịch. Rồi Trịnh Huyền, Vương Bật (2) lại đem những thiên nói trên chia làm từng mảnh mà để vào dưới các « quẻ » các « hào », và thêm hai thiên Văn-ngôn vào dưới hai quẻ Kiền, Khôn. Cái lai-lịch ấy chứng rằng những thiên *thập-dục* đã có qua một thời-kỳ rắc-rối.

Bấy nhiêu bằng-chứng tuy chưa dồi-dào, nhưng cũng đủ để nói rằng: *thập-dục* không phải là của Khổng tử. Và lại, về phương-diện khác đó ai kiếm được một bằng chứng nào có thể tin mấy thiên ấy là của Khổng tử soạn ra.

Thật thế, ngoài câu « *Gia ngã sở niên, nữ thập dĩ học Dịch* » ở sách Luận-ngữ, thì trong các sách Khổng-môn không có chữ nào nói đến kinh Dịch.

Đoạn trước đã nói, câu trên đây chỉ là một câu sai-lầm, các bản đã chép khác nhau, hoặc là « gia », hoặc là « giả », hoặc là « ngữ thập », hoặc là « tốt », sự khác

(12) Ba người này đều là học giả đời Hán.

nhau đó có thể khiến cho người ta ngờ cả chữ Dịch ở cuối câu ấy.

Gia cho chữ « dịch » ở đây là đúng với lời Khổng-tử đi nữa, nó cũng mới là cái cơ để nói Khổng-tử có đọc kinh Dịch, chưa phải cái chứng để nói Khổng-tử có sửa kinh Dịch.

Vậy là trừ bọn Hán-nho, tức là những người đã làm nhiều sách giả-mạo, trước đó không ai bảo kinh Dịch đã có qua tay Khổng-tử.

Về mặt đáng ngờ thì có bằng-chứng rõ-ràng, mà về mặt đáng tin thì không có chút bằng-chứng nào hết. Bởi thế, tôi không a-dua cồ-nhân mà tin « *thập dục* » là của Khổng-tử soạn ra.

Nó chỉ là một thứ sách bói — từ đời Hán đến đời Tống, người ta cũng chỉ coi nó là thứ sách bói — của ai làm ra không biết, Khổng-tử không dính vào đây chữ nào.

Vậy là bao nhiêu thứ sách mà tác-giả « *Nho-giáo* » dùng làm tài-liệu để nói cái quan-niệm của Khổng-tử đối với trời và quỷ-thần, chỉ có kinh Thi là sách chắc-chắn mà thôi. Nhưng nên nhớ rằng: sách ấy là những bài hát của đời nhà Thương và đời nhà Chu còn lại, Khổng-tử chỉ sắp đặt cho

có thứ tự, không hề viết thêm chữ nào. Không thể dùng tài liệu ở đó mà bảo nó là tư-tưởng của Khổng-tử được.

Thế thì muốn xét cái quan-niệm của Khổng-tử đối với trời và quỷ-thần, người ta phải tìm ở đâu?

Tất nhiên là ở trong sách Luận-ngữ. Tất cả các sách nói về tư-tưởng của Khổng-tử chỉ có sách này là đáng tin cậy.

Trong sách Luận ngữ, có một, vài chỗ Khổng-tử cũng nói đến trời và quỷ-thần.

Về trời :

Một lần ngài bảo Tử-cống :

« Trời nói gì đâu ? bốn mùa vẫn đi, trăm vật vẫn sinh, trời nói gì đâu ».

Một lần bị vây ở nước Khuông, ngài bảo những người đi theo :

« Trời mà sắp sửa làm mất « tư-vấn », thì kẻ chết sau ta này sẽ không được nghe « tư-vấn ». Trời chưa làm mất « tư-vấn » thì người nước Khuông làm gì được ta . . . »

Một lần bị người nước Tống tên là Hoàn-Đôi có ý làm hại, ngài bảo học-trò :

« Trời đã sinh đức cho ta, gã Hoàn-Đôi làm gì được ta ? »

Về quỷ thần :

Cứ như trong thiên Thuật-nhi đã chép, thì việc quỷ-thần cũng như việc biến loạn, quái-gở Khổng-tử không hề nói đến.

Có lần Tử lộ hỏi về việc thờ quỷ, ngài bảo : « *chưa biết việc thờ người, biết sao được việc thờ quỷ* ».

Lại khi ngài bị tật-bệnh, Tử-Lộ xin cho cúng tiên. Ngài hỏi : Có lệ thế ư ? Tử-lộ thưa : «Có! Sách Lụy nói rằng : «Cúng tiên này với thần-kỳ trên dưới », Ngài liền từ chối mà rằng : « Khâu này cúng tiên lâu rồi ».

Thế nhưng Khổng-tử có tế, có ăn tray, và lại khuyên bảo học-trò đối với quỷ-thần thì nên kính mà xa ra.

Còn sự sinh tử thì ngài tuyệt không động tới, Tử-lộ hỏi về việc chết, ngài chỉ đáp rằng : « Chưa biết việc sống, thì biết sao được việc chết ».

Qui nạp những lời và việc trên đây, có thể thấy rằng : Đối với trời và quỷ-thần, Khổng tử chỉ có quan niệm lơ mờ. Vì những ảnh hưởng đời trước còn lại, Ngài cũng nhận là có trời và có quỷ-thần, nhưng không biết đích trời là thế nào, quỷ-thần là

thế nào, cho nên không chịu cắt nghĩa. Điều đó chính là do ở tư-tưởng « chính danh » của ngài mà ra.

Vậy mà tác-giả “*Nho-giáo*” bỏ những tài-liệu xác-thực, chạy đi vơ những tài-liệu vu - vơ, để vữ - đoán rằng : Khổng-tử đã tin trời là Thái cực qui-thần là đấng thiêng liêng và người chết, tinh-anh sẽ lên trên trời, v. v. thì thật là oan cho ngài.

Đáp tại mấy câu tác-giả đã chê những kẻ không rõ đạo Khổng, tôi xin nói rằng : người nào bàn về Khổng-giáo mà không nói đến những cái tư-tưởng viển-vông ở kinh Dịch, kinh Lễ, kinh Thư hay sách Trung-dụng, ấy là người đã biết Khổng-tử một cách xác đáng.

HẾT



CÙNG MỘT TÁC - GIẢ

Đã in và hết rồi

Cẩm-Hương-Đình

(Tiểu thuyết dịch)

Ngô-Việt-Xuân-Thu

(Tiểu thuyết dịch)

Lê-Văn-Duyệt

(Truyện dài lịch-sử)

Tắt Đèn

(Truyện dài xã-hội)

Sắp in

Lều chõng

(Truyện dài về thời đại khoa-cử)

Tập án cái đình

(Điều tra về tục lệ ở thôn quê Bắc-Kỳ)

Đường Thi

(Khảo-cứu và phiên-dịch thơ Đường)

Ném bùn sang ao

(Thời-sự trào-phúng)

CÔNG MỘT TÁC GIẢ

Đã in ra hết rồi

Cầm Hương-Bình

(Tiền thuyết dịch)

Ngô-Việt-Xuân-Thư

(Tiền thuyết dịch)

.....

Sách này in 3000 cuốn giấy
thường và 100 cuốn giấy nam
tại nhà in Mai Lĩnh Hanoi song
ngày 15 Janvier 1940

.....

Lưu chông

(Truyện dài về thời đại khoa-cử)

Tập án cải định

(Đã in ra về tác là ở môn các Bắc-Kỳ)

Đường Thi

(Khảo-cử và phiên-dịch thơ Đường)

Niệm bản sang so

(Thơ-sự trào-phúng)

.....

Directeur : Bộ trưởng Bộ Văn Hóa và Giáo Dục
Imprimerie MA LINH Hanoi

tirage 2.000
Stauf

• Quán Ven Đường, Góp Nhật Sách Xưa (người góp nhật Huỳnh Chiếu Đăng)•

8/11/1954
Huỳnh Chiếu Đăng

GIÁ 0\$30